SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 13/07/2026; 17:02:37 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 185 /TTr-UBND	*Hải Phòng, ngày 13 tháng 7 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thành phố chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 612/TTr-SNNMT ngày 09/7/2026, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:

"Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững. Hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với cấp Thành phố, cấp xã hiện nay. Tập trung xây dựng, thực hiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính kết nối chặt chẽ, bổ trợ hài hoà, hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái ("làng trong phố, phố trong làng") gắn kết chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc, mở thêm dư địa về không gian, nguồn lực mới cho phát triển;

Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở nông thôn. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn";

- Tại điểm b Khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "*Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương*";

- Tại điểm a Khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "*Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật*";

- Tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025) về Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quy định: "*Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*";

- Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; trong đó, giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: "*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của*

Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả";

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 56 Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó giao Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh: *"Các tỉnh, thành phố không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công".*

- Tại điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030, trong đó giao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: *"Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định".*

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Giai đoạn 2021-2025

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả tích cực và toàn diện, là một trong các địa phương đi đầu của cả nước về thành tích xây dựng nông thôn mới. Tính đến thời điểm hợp nhất (ngày 01/7/2025), thành phố Hải Phòng cũ (khu vực phía đông Hải Phòng hiện nay) có 100% xã đạt chuẩn NTM, 100% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 58% xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 67% huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024. Tỉnh Hải Dương (khu vực phía Tây Hải Phòng hiện nay) có 100% xã đạt chuẩn NTM, 50% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 21,2% xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 100% huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 (là 1 trong 5 tỉnh, thành phố, thành phố đầu tiên được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới). Để đạt được những kết quả nêu trên, thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương đã ban hành kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, như: quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thực hiện các chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; cơ chế lồng ghép các nguồn vốn ngân sách trong xây dựng nông thôn mới; chính sách vận động nhân dân

tặng cho quyền sử dụng đất để nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông. Trong đó, nổi bật như:

- Thành phố Hải Phòng cũ:

+ Đã ban hành 02 chính sách đặc thù hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023), bao gồm: (1) Ngân sách thành phố hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc trên đất tặng cho quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi mặt bằng xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu. Mức hỗ trợ không vượt quá 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc *(theo mức đơn giá vật kiến trúc, cây trồng phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng)*; (2) Ngân sách thành phố hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân sau khi tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới mà diện tích còn lại không còn đủ điều kiện để ở (không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho). Diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng đất không vượt quá diện tích đất ở cũ của hộ dân trước khi tặng cho.

+ Để nâng cấp, mở rộng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu, các địa phương vận động khoảng 43.750 trường hợp tặng cho 832.650m^2 đất (gồm: 454.315m^2 đất ở, 378.335m^2 đất nông nghiệp), ước giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, bằng 22% so với tổng vốn đầu tư công ngân sách thành phố hỗ trợ xây dựng nông thôn mới *(ngân sách thành phố bố trí 15.925 tỷ đồng cho xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu)*. Trong đó: đã hỗ trợ 1.315 tỷ đồng cho 28.211 trường hợp có vật kiến trúc trên đất tặng cho, chiếm khoảng 8% tổng kinh phí đầu tư công ngân sách thành phố hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; đã hỗ trợ 2,335 tỷ đồng cho 05 trường hợp bố trí chỗ ở mới.

- Tỉnh Hải Dương: quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 02 tỷ đồng/xã; xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là 03 tỷ đồng/xã. Các địa phương cân đối, bố trí nguồn trực tiếp từ ngân sách xã để thực hiện đầu tư xây dựng nông thôn mới.

2.2. Giai đoạn 2026-2030

Xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai trên phạm vi cả nước theo chủ trương tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai

đoạn 2026-2035. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở để các địa phương xây dựng mục tiêu, lộ trình và giải pháp tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới;

- Tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội đã xác định mục tiêu: Đến năm 2030, phấn đấu cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; phấn đấu có 05 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, thực hiện theo 02 mức độ: nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại *(giai đoạn 2021-2025 xây dựng nông thôn mới theo 03 mức độ: nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu);*

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 2 cấp đã mở rộng quy mô đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực và tổ chức phát triển kinh tế - xã hội theo quy mô lớn hơn, song cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức sản xuất ... so với giai đoạn 2021-2025;

- Sau khi mở rộng địa giới và điều chỉnh đơn vị hành chính, khu vực nông thôn của Hải Phòng có sự phân hóa rõ rệt hơn: Một số địa bàn ven đô, gần trung tâm thành phố hoặc các khu công nghiệp có mức độ đô thị hóa cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang công nghiệp – dịch vụ; trong khi đó, nhiều khu vực xa trung tâm, ven biển hoặc vùng bãi ngang vẫn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, thủy sản, hạ tầng và dịch vụ còn hạn chế; từ đó, dẫn đến sự chênh lệch về thu nhập, điều kiện hạ tầng, chất lượng dịch vụ xã hội và khả năng huy động nguồn lực giữa các địa phương.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 là cần thiết nhằm huy động tối đa nguồn lực xã hội, phát huy vai trò chủ thể của người dân, đồng thời đảm bảo xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, bền vững và phù hợp với bối cảnh phát triển mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo hướng bền vững.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa theo quy định tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035; quy định tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

Nghị quyết xác lập khung pháp lý thống nhất về phân bổ vốn ngân sách thành phố trong phạm vi tổng mức đã được cấp có thẩm quyền quyết định; làm căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán, kế hoạch vốn ngân sách thành phố thực hiện Chương trình; đồng thời, quy định vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo nhóm địa phương căn cứ khả năng cân đối ngân sách.

Thông qua đó, bảo đảm phân bổ nguồn lực tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; khắc phục tình trạng dàn trải, bình quân; tăng cường trách nhiệm của địa phương trong bố trí vốn đối ứng và tổ chức thực hiện; bảo đảm Chương trình được triển khai thống nhất, công khai, minh bạch và phù hợp với cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết phải bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà nước;

Đảm bảo phù hợp về thẩm quyền, nội dung Nghị quyết với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của thành phố, bảo đảm khả thi, hiệu quả; tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Các cơ chế, chính sách trong nghị quyết có tính kế thừa, phát huy các cơ chế, chính sách đã thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời có sự nghiên cứu, bổ sung để phù hợp với định hướng xây dựng nông thôn mới của trung ương cho giai đoạn 2026-2030, tình hình thực tế của địa phương và các quy định hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Uỷ ban nhân dân thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Hồ sơ Nghị quyết theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gửi Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các sở, ngành thành phố, các địa phương liên quan để xin ý kiến tham gia vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết *(gửi xin ý kiến 02 lần)*, trong đó, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện phản biện xã hội đối với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định; đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của thành phố trong thời gian là 10 ngày để lấy ý kiến; Đăng tải và truyền thông hồ sơ dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo quy định tại khoản 4 Điều 2, Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp để thẩm định. Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 255/BC-STP ngày 30/6/2026 thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

4. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 579/TTr-SNNMT ngày 30/6/2026. Ủy ban nhân dân thành phố đã có Văn bản số 8241/VP-NNMT ngày 07/7/2026 về việc xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 612/TTr-SNNMT ngày 09/7/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

- Điều 2. Điều khoản thi hành

- Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản Nghị quyết

2.1. Về nguyên tắc phân bổ vốn

Quy định 06 nguyên tắc phân bổ vốn, bao gồm:

"1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững, không dàn trải; bố trí đủ vốn để hoàn thành dứt điểm từng công trình, dự án, nhiệm vụ theo tiến độ được phê duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Ưu tiên cho các địa phương còn nhiều khó khăn, có số lượng tiêu chí, nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt thấp, trong kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm phường, đặc khu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới), xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại hoặc địa phương thực hiện thí điểm để hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân sách thành phố bố trí vốn đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư đối với các dự án, công trình, nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình. Ưu tiên vốn đầu tư các công trình, dự án thiết yếu phục vụ lợi ích công cộng, các công trình có tính chất liên xã, liên vùng, có ý nghĩa kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn, có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nhằm đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

4. Không phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương không thực hiện xây dựng nông thôn mới.

5. Tổng kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình được xác định, căn cứ vào các nội dung sau:

a) Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành và các xã, phường, đặc khu; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án và các nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân kinh phí của các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu của năm trước liền kề.

6. Bảo đảm lồng ghép, phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa nguồn vốn Chương trình với nguồn vốn bố trí cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương

trình, đề án, dự án, nghị quyết của thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư."

2.2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố

- Quy định 03 tiêu chí phân bổ, bao gồm:

"1. Ngân sách thành phố đầu tư 100% công trình đường liên xã (là đường xã nối từ trung tâm hành chính của xã với xã lân cận), công trình thuỷ lợi trọng điểm, xung yếu;

2. Đối với các địa phương xây dựng thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tối đa 100% để đầu tư các công trình, dự án nhằm để hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

3. Đối với các địa phương còn lại: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu về ngân sách địa phương theo tiêu chí và định mức như sau:

a) Tiêu chí

STT	Tiêu chí (đối với từng địa phương)	Điểm tối đa (100 điểm)
1	***Mức độ thiếu hụt tiêu chí nông thôn mới***	55
a)	Đường giao thông	35
	Từ 50% trở lên tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	35
	Từ 40% đến dưới 50% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	25
	Từ 30% đến dưới 40% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	15
	Dưới 30% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	10
b)	Trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 50% trở lên số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 30% đến dưới 50% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	6
	Từ 10% đến dưới 30% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	3
c)	Trạm y tế xã chưa đạt tiêu chí	5
d)	Trung tâm văn hoá – thể thao xã chưa đạt tiêu chí	2
đ)	Từ 30% trở lên số nhà văn hoá, khu thể thao thôn chưa đạt tiêu chí	3
2	***Theo đối tượng xã, phường, đặc khu***	15
a)	Xã nhóm 1, phường, đặc khu	15
b)	Xã nhóm 2	10
3	***Theo mục tiêu xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại***	20
a)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trong giai đoạn 2026-2030	20

b)	*Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030*	*10*
4	***Tiêu chí ưu tiên***	***10***
a)	*Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 15% trở lên*	*10*
b)	*Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 10% đến dưới 15%*	*8*
c)	*Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 5% đến dưới 10%*	*5*

- Quy định định mức phân bổ cho 01 (một) địa phương:

$$\text{Tổng vốn phân bổ cho 01 địa phương} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương}}{\text{Tổng số điểm của các địa phương}} X \text{Số điểm thực tế của địa phương}$$

Trong đó, tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương được xác định như sau:

$$\text{Tổng vốn đầu tư bố trí cho các địa phương} = \text{Tổng vốn đầu tư bố trí cho Chương trình} - \text{Tổng vốn đầu tư các công trình đường liên xã, công trình thuỷ lợi trọng điểm, xung yếu} - \text{Tổng vốn đầu tư các công trình tại các địa phương xây dựng thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới}$$

2.3. Cơ chế thực hiện Chương trình

Thực hiện theo quy định tại: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 và các cơ chế, chính sách, quy định, hướng dẫn hiện hành khác của Trung ương và thành phố.

2.4. Chính sách trong thực hiện nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới

Trên cơ sở kế thừa chính sách đặc thù trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng cũ; căn cứ chỉ đạo của trung

ương về xây dựng nông thôn mới trên cơ sở huy động sự tham gia tự nguyện của người dân. Đề xuất 02 chính sách như sau:

"1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện tích đất đã tặng cho.

b) Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

3. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính trong tổng mức đầu tư của các công trình, dự án.".

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm sử dụng nguồn nhân lực hiện có; không phát sinh thêm bộ máy, biên chế; không phát sinh thủ tục hành chính; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Về kinh phí thực hiện

Tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 09/3/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2026-2030, trong đó, dự kiến bố trí 7.988 tỷ đồng vốn đầu tư công cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030. Như vậy, thành phố đảm bảo nguồn lực để thực hiện Nghị quyết.

3. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

- Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết và các quy định liên quan. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng nội dung, lồng ghép thực hiện thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân để hiểu biết, cập nhật quy định của pháp luật để thực hiện.

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (4) Bản tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (6) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (7) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (8) Các tài liệu khác có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- VP ĐĐBQH&HĐND TP;
- Các Sở: NNMT, TC, TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, N.T.Hiếu.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15,

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị - Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng *(sau đây gọi tắt là Chương trình).*

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày .....tháng.....năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;

b) Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023;

c) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023;

d) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả nguồn vốn các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố chưa thực hiện được phép chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ hoặc các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới triển khai thực hiện giai

đoạn 2021-2025 chưa hoàn thành tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030, thì tiếp tục thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành cho giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với ngân sách nhà nước từ năm 2026 trở đi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu làm căn cứ quy định áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ khâu lập dự án, triển khai thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác sử dụng các công trình. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... /... /2026./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày / /2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định:

1. Chi tiết khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, cơ quan ở thành phố (sau đây gọi tắt là sở, ngành); các xã, phường, đặc khu thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy định tại phụ lục III Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là cấp xã); các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình và cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững, không dàn trải; bố trí đủ vốn để hoàn thành dứt điểm từng công trình, dự án, nhiệm vụ theo tiến độ được phê duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Ưu tiên cho các địa phương còn nhiều khó khăn, có số lượng tiêu chí, nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt thấp, trong kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm phường, đặc khu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới), xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại hoặc địa phương

thực hiện thí điểm để hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân sách thành phố bố trí vốn đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư đối với các dự án, công trình, nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình. Ưu tiên vốn đầu tư các công trình, dự án thiết yếu phục vụ lợi ích công cộng, các công trình có tính chất liên xã, liên vùng, có ý nghĩa kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn, có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nhằm đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

4. Không phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương không thực hiện xây dựng nông thôn mới.

5. Tổng kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình được xác định, căn cứ vào các nội dung sau:

a) Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành và các xã, phường, đặc khu; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án và các nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân kinh phí của các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu của năm trước liền kề.

6. Bảo đảm lồng ghép, phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa nguồn vốn Chương trình với nguồn vốn bố trí cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, nghị quyết của thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố

1. Ngân sách thành phố đầu tư 100% công trình đường liên xã (là đường xã nối từ trung tâm hành chính của xã với xã lân cận), công trình thuỷ lợi trọng điểm, xung yếu;

2. Đối với các địa phương xây dựng thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tối đa 100% để đầu tư các công trình, dự án nhằm để hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

3. Đối với các địa phương còn lại: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu về ngân sách địa phương theo tiêu chí và định mức như sau:

a) Tiêu chí

STT	Tiêu chí (đối với từng địa phương)	Điểm tối đa (100 điểm)
1	**Mức độ thiếu hụt tiêu chí nông thôn mới**	**55**
a)	Đường giao thông	35
	Từ 50% trở lên tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	35
	Từ 40% đến dưới 50% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	25
	Từ 30% đến dưới 40% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	15
	Dưới 30% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	10
b)	Trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 50% trở lên số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 30% đến dưới 50% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	6
	Từ 10% đến dưới 30% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	3
c)	Trạm y tế xã chưa đạt tiêu chí	5
d)	Trung tâm văn hoá – thể thao xã chưa đạt tiêu chí	2
đ)	Từ 30% trở lên số nhà văn hoá, khu thể thao thôn chưa đạt tiêu chí	3
2	**Theo đối tượng xã, phường, đặc khu**	**15**
a)	Xã nhóm 1, phường, đặc khu	15
b)	Xã nhóm 2	10
3	**Theo mục tiêu xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại**	**20**
a)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trong giai đoạn 2026-2030	20
b)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030	10
4	**Tiêu chí ưu tiên**	**10**
a)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 15% trở lên	10
b)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 10% đến dưới 15%	8
c)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 5% đến dưới 10%	5

b) Định mức phân bổ cho 01 (một) địa phương

$$\text{Tổng vốn phân bổ cho 01 địa phương} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương}}{\text{Tổng số điểm của các địa phương}} \times \text{Số điểm thực tế của địa phương}$$

Trong đó, tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương được xác định như sau:

$$\text{Tổng vốn đầu tư bố trí cho các địa phương} = \text{Tổng vốn đầu tư bố trí cho Chương trình} - \text{Tổng vốn đầu tư các công trình đường liên xã, công trình thuỷ lợi trọng điểm, xung yếu} - \text{Tổng vốn đầu tư các công trình tại các địa phương xây dựng thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới}$$

Điều 5. Cơ chế thực hiện Chương trình

Thực hiện theo quy định tại: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 và các cơ chế, chính sách, quy định, hướng dẫn hiện hành khác của Trung ương và thành phố.

Điều 6. Chính sách trong thực hiện nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện tích đất đã tặng cho.

b) Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

3. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính trong tổng mức đầu tư của các công trình, dự án.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân thành phố quyết định giao dự toán, kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành thành phố và địa phương theo tổng vốn Chương trình; Uỷ ban nhân dân thành phố giao dự toán, kế hoạch cho các sở, ngành thành phố, các chủ đầu tư và giao cho các địa phương. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công.

Sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước quyết định điều chỉnh kinh phí, vốn (bao gồm các khoản chi được giao dự toán hằng năm và các khoản chi được chuyển nguồn từ năm trước sang theo quy định) từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình bảo đảm không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân thành phố

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành Chương trình để triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

b) Lựa chọn, giao đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư các công trình ngân sách thành phố bố trí 100%;

c) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu đầu tư; kiểm tra, xác minh số liệu làm căn cứ phân bổ vốn.

d) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng mức vốn ngân sách thành phố bố trí và tiến độ thực hiện Chương trình, xây dựng phương án phân bổ vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

đ) Chỉ đạo việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn; xử lý hoặc đề xuất xử lý đối với các trường hợp phân bổ, quản lý, sử dụng vốn không đúng quy định.

3. Trách nhiệm của các sở, ngành

a) Chủ trì hướng dẫn chuyên môn đối với các tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Phối hợp thẩm định nhu cầu đầu tư, mức độ thiếu hụt tiêu chí và danh mục công trình.

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tiêu chí chuyên ngành báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố làm căn cứ phân bổ vốn.

d) Kiểm tra việc thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Rà soát, xác định đúng hiện trạng các tiêu chí nông thôn mới.

b) Tổng hợp nhu cầu đầu tư, sắp xếp thứ tự ưu tiên các công trình theo nguyên tắc của Nghị quyết.

c) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, số liệu đề xuất.

d) Quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, đúng đối tượng và bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình. Thực hiện công khai việc phân bổ vốn theo quy định.

đ) Huy động và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành và nâng cao chất lượng Chương trình.

e) Quản lý, khai thác và bảo trì công trình sau đầu tư đảm bảo hiệu quả, phát huy tối đa công năng sử dụng.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 612 /TTr-SNNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 7 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ
ĐẾN Số: 52630
Ngày: 10/07/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
CT Đ.T Trung		X
PCT TT L.A Quân		X
PCT V.T.Phụng		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		X
PCVP P.A.Tuấn	X	
PCVP P.H.Hoàng		X
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		X
P. NC		
P. NN&MT	X	
P. TC		X
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		X
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 8241/VP-NNMT ngày 07/7/2026 về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:

"Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững. Hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với cấp Thành phố, cấp xã hiện nay. Tập trung xây dựng, thực hiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính kết nối chặt chẽ, bổ trợ hài hoà, hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái ("làng trong phố, phố trong làng") gắn kết chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc, mở thêm dư địa về không gian, nguồn lực mới cho phát triển;

Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở nông thôn. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn";

- Tại điểm b Khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "*Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương*";

- Tại điểm a Khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: "*Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật*";

- Tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025) về Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quy định: "*Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*";

- Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; trong đó, giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *"Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả";*

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 56 Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó giao Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh: *"Các tỉnh, thành phố không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công".*

- Tại điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030, trong đó giao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: *"Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định".*

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Giai đoạn 2021-2025

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả tích cực và toàn diện, là một trong các địa phương đi đầu của cả nước về thành tích xây dựng nông thôn mới. Tính đến thời điểm hợp nhất (ngày 01/7/2025), thành phố Hải Phòng cũ (khu vực phía đông Hải Phòng hiện nay) có 100% xã đạt chuẩn NTM, 100% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 58% xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 67% huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024. Tỉnh Hải Dương (khu vực phía Tây Hải Phòng hiện nay) có 100% xã đạt chuẩn NTM, 50% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 21,2% xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 100% huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 (là 1 trong 5 tỉnh, thành phố, thành phố đầu tiên được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới). Để đạt được những kết quả nêu trên, thành phố Hải Phòng (cũ) và

tỉnh Hải Dương đã ban hành kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, như: quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thực hiện các chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; cơ chế lồng ghép các nguồn vốn ngân sách trong xây dựng nông thôn mới; chính sách vận động nhân dân tặng cho quyền sử dụng đất để nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông. Trong đó, nổi bật như:

- Thành phố Hải Phòng cũ:

+ Đã ban hành 02 chính sách đặc thù hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023), bao gồm: (1) Ngân sách thành phố hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc trên đất tặng cho quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi mặt bằng xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu. Mức hỗ trợ không vượt quá 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc *(theo mức đơn giá vật kiến trúc, cây trồng phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng)*; (2) Ngân sách thành phố hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân sau khi tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới mà diện tích còn lại không còn đủ điều kiện để ở (không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho). Diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng đất không vượt quá diện tích đất ở cũ của hộ dân trước khi tặng cho.

+ Để nâng cấp, mở rộng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu, các địa phương vận động khoảng 43.750 trường hợp tặng cho 832.650m^2 đất (gồm: 454.315m^2 đất ở, 378.335m^2 đất nông nghiệp), ước giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, bằng 22% so với tổng vốn đầu tư công ngân sách thành phố hỗ trợ xây dựng nông thôn mới *(ngân sách thành phố bố trí 15.925 tỷ đồng cho xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu)*. Trong đó: đã hỗ trợ 1.315 tỷ đồng cho 28.211 trường hợp có vật kiến trúc trên đất tặng cho, chiếm khoảng 8% tổng kinh phí đầu tư công ngân sách thành phố hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; đã hỗ trợ 2,335 tỷ đồng cho 05 trường hợp bố trí chỗ ở mới.

- Tỉnh Hải Dương: quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 02 tỷ đồng/xã; xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là 03 tỷ đồng/xã. Các địa phương cân đối, bố trí nguồn trực tiếp từ ngân sách xã để thực hiện đầu tư xây dựng nông thôn mới.

2.2. Giai đoạn 2026-2030

Xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai trên phạm vi cả nước theo chủ trương tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở để các địa phương xây dựng mục tiêu, lộ trình và giải pháp tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới;

- Tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội đã xác định mục tiêu: Đến năm 2030, phấn đấu cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; phấn đấu có 05 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, thực hiện theo 02 mức độ: nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại *(giai đoạn 2021-2025 xây dựng nông thôn mới theo 03 mức độ: nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu);*

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 2 cấp đã mở rộng quy mô đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực và tổ chức phát triển kinh tế - xã hội theo quy mô lớn hơn, song cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức sản xuất … so với giai đoạn 2021-2025;

- Sau khi mở rộng địa giới và điều chỉnh đơn vị hành chính, khu vực nông thôn của Hải Phòng có sự phân hóa rõ rệt hơn: Một số địa bàn ven đô, gần trung tâm thành phố hoặc các khu công nghiệp có mức độ đô thị hóa cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang công nghiệp – dịch vụ; trong khi đó, nhiều khu vực xa trung tâm, ven biển hoặc vùng bãi ngang vẫn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, thủy sản, hạ tầng và dịch vụ còn hạn chế; từ đó, dẫn đến sự chênh lệch về thu nhập, điều kiện hạ tầng, chất lượng dịch vụ xã hội và khả năng huy động nguồn lực giữa các địa phương.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 là cần thiết nhằm huy động tối đa nguồn lực xã hội, phát huy vai trò chủ thể của người dân, đồng thời đảm bảo xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, bền vững và phù hợp với bối cảnh phát triển mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo hướng bền vững.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

1. Mục đích ban hành văn bản

- Cụ thể hóa theo quy định tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; quy định tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

- Xác lập khung pháp lý thống nhất về phân bổ vốn ngân sách thành phố trong phạm vi tổng mức đã được cấp có thẩm quyền quyết định; làm căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán, kế hoạch vốn ngân sách thành phố thực hiện Chương trình; đồng thời, quy định vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo nhóm địa phương căn cứ khả năng cân đối ngân sách.

- Thông qua đó, bảo đảm phân bổ nguồn lực tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; khắc phục tình trạng dàn trải, bình quân; tăng cường trách nhiệm của địa phương trong bố trí vốn đối ứng và tổ chức thực hiện; bảo đảm Chương trình được triển khai thống nhất, công khai, minh bạch và phù hợp với cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết phải bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà nước;

- Đảm bảo phù hợp về thẩm quyền, nội dung Nghị quyết với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của thành phố, bảo đảm khả thi, hiệu quả; tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Các cơ chế, chính sách trong nghị quyết có tính kế thừa, phát huy các cơ chế, chính sách đã thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời có sự nghiên cứu, bổ sung để phù hợp với định hướng xây dựng nông thôn mới của trung ương cho giai đoạn 2026-2030, tình hình thực tế của địa phương và các quy định hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Uỷ ban nhân dân thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Hồ sơ Nghị quyết theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gửi Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các sở, ngành thành phố, các địa phương liên quan để xin ý kiến tham gia vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết *(gửi xin ý kiến 02 lần)*; gửi đề nghị phản biện xã hội tới Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố; Đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của thành phố trong thời gian là 10 ngày để lấy ý kiến; Đăng tải và truyền thông hồ sơ dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo quy định tại khoản 4 Điều 2, Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP *(https://sonnmt.haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/xin-y-kien-tham-gia-doi-voi-ho-so-du-thao-nghi-quyet-quy-dinh-nguyen-tac-tieu-chi-dinh-muc-phan--912041)*

3. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết. Trong quá trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy số chính sách, số điều quy định trực tiếp trong dự thảo khá nhiều nên cần điều chỉnh thể thức của dự thảo Nghị quyết theo mẫu số 18 (ban hành qui định) (theo phụ lục III, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), việc này chỉ thay đổi tên gọi của Nghị quyết so với Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết mà không ảnh hưởng đến phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết, cụ thể: tên Nghị quyết được duyệt "Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng" tên sửa đổi "Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng".

Sau khi hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã gửi Sở Tư pháp để thẩm định. Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 255/BC-STP ngày 30/6/2026 thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

4. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 579/TTr-SNNMT ngày 30/6/2026. Ủy ban nhân dân thành phố đã

có Văn bản số 8241/VP-NNMT ngày 07/7/2026 về việc xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 612/TTr-SNNMT ngày 09/7/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể:

- **Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng *(sau đây gọi tắt là Chương trình).*

- Điều 2. Điều khoản thi hành

- Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản Nghị quyết

2.1. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách thành phố

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững, không dàn trải; bố trí đủ vốn để hoàn thành dứt điểm từng công trình, dự án theo tiến độ được phê duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Ưu tiên cho các địa phương còn nhiều khó khăn, có số lượng tiêu chí, nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt thấp, trong kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm phường, đặc khu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới), xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại hoặc có nhu cầu đầu tư lớn để hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân sách thành phố bố trí vốn đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư đối với các công trình, dự án, nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp thành phố, các dự án, công trình, nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình. Ưu tiên vốn đầu tư các công trình, dự án thiết yếu phục vụ lợi ích công cộng, các công trình có tính chất liên xã, liên vùng, có ý nghĩa kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn, có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

4. Bảo đảm lồng ghép, phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa nguồn vốn Chương trình với nguồn vốn bố trí cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, nghị quyết của thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư.

5. Không phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương không thực hiện xây dựng nông thôn mới.

6. Tổng kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình được xác định, căn cứ vào các nội dung sau:

a) Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành và các xã, phường, đặc khu; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án và các nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân kinh phí của các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu của năm trước liền kề.

2.2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố

2.2.1. Đối với các công trình đường liên xã (là đường xã nối từ trung tâm hành chính của xã với xã lân cận), công trình thuỷ lợi trọng điểm, xung yếu: Ngân sách thành phố đầu tư 100%.

2.2.2. Đối với các địa phương xây dựng thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu về ngân sách địa phương để đầu tư 100% các công trình để hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

2.2.3. Đối với các địa phương còn lại: Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu về ngân sách địa phương theo tiêu chí và định mức như sau:

a) Tiêu chí

STT	Tiêu chí (đối với từng địa phương)	Điểm tối đa (100 điểm)
1	**Mức độ thiếu hụt tiêu chí nông thôn mới**	**55**
a)	Đường giao thông	35
	Từ 50% trở lên tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	35

	Từ 40% đến dưới 50% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	25
	Từ 30% đến dưới 40% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	15
	Dưới 30% tổng chiều dài đường xã chưa đạt tiêu chí	10
b)	Trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 50% trở lên số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	10
	Từ 30% đến dưới 50% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	6
	Từ 10% đến dưới 30% số trường chưa đạt chuẩn quốc gia	3
c)	Trạm y tế xã chưa đạt tiêu chí	5
d)	Trung tâm văn hoá – thể thao xã chưa đạt tiêu chí	2
đ)	Từ 30% trở lên số nhà văn hoá, khu thể thao thôn chưa đạt tiêu chí	3
2	**Theo đối tượng xã, phường, đặc khu**	**15**
a)	Xã nhóm 1, phường, đặc khu	15
b)	Xã nhóm 2	10
3	**Theo mục tiêu xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại**	**20**
a)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trong giai đoạn 2026-2030	20
b)	Địa phương xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030	10
4	**Tiêu chí ưu tiên**	**10**
a)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 15% trở lên	10
b)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 10% đến dưới 15%	8
c)	Tỷ lệ nguồn vốn xã hội hoá trong tổng mức đầu tư các công trình giao thông từ 5% đến dưới 10%	5

b) Định mức phân bổ cho 01 (một) địa phương

$$\text{Tổng vốn phân bổ cho 01 địa phương} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương}}{\text{Tổng số điểm của các địa phương}} \times \text{Số điểm thực tế của địa phương}$$

Trong đó, tổng vốn đầu tư công bố trí cho các địa phương được xác định như sau:

Tổng vốn đầu tư bố trí cho các địa phương	=	Tổng vốn đầu tư bố trí cho Chương trình	-	Tổng vốn đầu tư các công trình đường liên xã, công trình thuỷ lợi trọng điểm, xung yếu	-	Tổng vốn đầu tư các công trình tại các địa phương xây dựng thí điểm đạt chuẩn nông thôn mới

2.3. Cơ chế thực hiện Chương trình

Thực hiện theo quy định tại: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 và các cơ chế, chính sách, quy định, hướng dẫn hiện hành khác của Trung ương và thành phố.

2.4. Chính sách trong thực hiện nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới

2.4.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất.

2.4.2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện tích đất đã tặng cho.

b) Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi

nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

2.4.3. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính trong tổng mức đầu tư của các công trình, dự án.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA BAN HÀNH

1. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm sử dụng nguồn nhân lực hiện có; không phát sinh thêm bộ máy, biên chế; không phát sinh thủ tục hành chính; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Về kinh phí thực hiện

Tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 09/3/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2026-2030, trong đó, dự kiến bố trí 7.988 tỷ đồng vốn đầu tư công cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030. Như vậy, thành phố đảm bảo nguồn lực để thực hiện Nghị quyết.

3. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành Chương trình để triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết và các quy định liên quan. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng nội dung, lồng ghép thực hiện thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân để hiểu biết, cập nhật quy định của pháp luật để thực hiện.

4. Dự kiến thời gian trình thông qua/ban hành

Thời gian trình ban hành: dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua/ban hành tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm kỳ 2026 – 2031.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên đây là Tờ trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố:

- Cho phép xin ý kiến Uỷ viên Uỷ ban nhân dân thành phố bằng phiếu đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, dự thảo Tờ trình của Uỷ ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố, dự thảo văn bản của UBND thành phố báo cáo Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân thành phố, dự thảo văn bản của Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ;

- Sau khi tiếp thu ý kiến của các đồng chí Uỷ viên Uỷ ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy chủ trương và trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết./.

Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố; (3) Dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố; (4) Dự thảo Văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy; (5) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (7) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (8) Bản tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết; (9) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (10) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (11) Quyết định của Thường trực HĐND thành phố chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết;

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, PGĐ Sở P.T.Đào;
- Lưu: VT, CCPTNT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bùi Văn Thăng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:255 /BC-STP

Hải Phòng, ngày 30 *tháng* 6 *năm 2026*

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 49994
Ngày: 02/07/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân	X	
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện		X
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	X	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	X	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 7756/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 30/6/2026 về việc thẩm định hồ sơ dự thảo *Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng*;

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát làm cơ sở pháp lý để thẩm định, gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

- Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

- Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Sở Tư pháp báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết trên như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

a) Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 quy định: *"Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả".*

Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *"Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương".*

Điểm a, c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *"a) Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật"*; *"c) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết*

định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước".

Điểm đ khoản 1 Điều 56 Nghị định 358/2025/NĐ-CP quy định: *"Các tỉnh, thành phố không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công".*

Theo điểm a, c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết quy định: *"a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*; "c) *Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương".*

b) Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới như sau:

- Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023;

- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023;

- Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH25 quy định: "*Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành*

văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới".

Như vậy, việc Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành *Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng* (thay thế các Nghị quyết trên) là có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của văn bản đã được xác định rõ tại dự thảo.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng

Nội dung dự thảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

4. Về tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo

Nội dung của dự thảo là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

5. Về nguồn tài chính

Sở Tài chính đã có ý kiến tham gia tại Công văn số 5566/STC-TCHCSN ngày 16/6/2026. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Sở Tài chính.

6. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo

6.1. Về dự thảo Nghị quyết

Đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý: "*Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030*".

6.2. Về dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết

a) Đoạn đầu của Điều 1 dự thảo có đoạn "*Quy định này quy định:*". Do đó, đề nghị bỏ cụm một số từ sau đây tại khoản 1, khoản 2 cho ngắn gọn, tránh trùng lặp:

- Bỏ cụm từ "*Quy định này quy định*" tại khoản 1;

- Bỏ từ "*Quy định*" tại khoản 2.

b) Khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định về tiêu chí phân bổ vốn theo mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu: các điểm a, b, c có nội dung quy định tương đồng. Tuy nhiên, cuối điểm c có thêm quy định "*phần tỷ lệ tăng thêm không đủ 10% không tính điểm*". Đề nghị bổ sung quy định này vào cuối điểm a, b cho thống nhất.

c) Khoản 4 Điều 4 dự thảo về xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương:

- Đề nghị bỏ đoạn "*V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm*" tại điểm b cho ngắn gọn, tránh trùng lặp; do ký hiệu này đã được quy ước tại điểm a.

- Đề nghị sửa điểm đ như sau cho rõ ràng:

"*Vốn đầu tư công ngân sách thành phố cân đối bổ sung cho Chương trình để phân bổ thêm cho các xã không thuộc kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 nhưng có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.*

Mức vốn phân bổ bổ sung cho mỗi xã được tính như sau:

$$V_i' = V_{BQ} \times T_i'.$$

Trong đó:

V_i' là mức vốn phân bổ bổ sung cho xã i;

T_i' là số điểm bổ sung cho xã i được xác định theo điểm c khoản 2 Điều này.

Tổng vốn đầu tư công ngân sách thành phố bổ sung cho Chương trình được tính bằng tổng mức vốn phân bổ bổ sung cho tất cả các xã có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030".

d) Điều 6 dự thảo quy định cơ chế thực hiện Chương trình:

- Khoản 1 quy định: "*Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ) và quy định của pháp luật có liên quan*".

Cách viện dẫn văn vản quy phạm pháp luật đã được quy định cụ thể tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Do đó, quy ước gọi tắt văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn là không cần thiết; đề nghị bỏ đoạn "*sau đây gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ*" tại quy định nêu trên. Đồng thời, rà soát chỉnh lý, bỏ cụm từ "*của Chính phủ*" ở những lần viện dẫn tiếp theo của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP cho phù hợp với quy định.

- Khoản 3 sử dụng chữ cái theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Anh để đánh thứ tự các điểm là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Phần III Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đề nghị rà soát, đánh lại thứ tự các điểm tại khoản 3 theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.

- Khoản 3: Đề nghị sửa cơ quan ban hành Thông tư số 60/2026/TT-BTC thành "*Bộ trưởng Bộ Tài chính*" cho chính xác.

đ) Điểm c khoản 5 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 6, điểm c khoản 2 Điều 8 dự thảo sử dụng từ viết tắt không đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh lý không sử dụng từ viết tắt trong dự thảo.

7. Về trình tự, thủ tục

a) Đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026.

b) Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); tổ chức lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan và có bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia.

Hồ sơ dự thảo *Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng* do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo đủ điều kiện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sau khi tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định tại Bác cáo này.

Sở Tư pháp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường - cơ quan chủ trì soạn thảo để trình Uỷ ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND TP (để b/c);
- Lưu: VT, P.XDVB, PLTT (A1B2).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Ngô Quang Giáp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /QĐ-TTHĐND	*Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 44338
Ngày: 17/06/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân	X	
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	X	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	X	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/ND-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-BPC ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ

chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1. Cơ quan trình dự thảo nghị quyết: Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết: Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan có liên quan hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, tiến độ và trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND TP;
- UBND TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở, ngành: TP, TC, NNMT;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, Độ.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Toản

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:463 /BC-SNNMT	*Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO

Tiếp thu ý kiến thẩm định Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTHĐND ngày 16/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận ăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã soạn thảo hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

Ngày 30/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 7756/SNNMT-SNNMT về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết ban hành quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 – 2030 gửi Sở Tư pháp theo quy định.

Ngày 18/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Báo cáo số 510/BC-STP của Sở Tư pháp Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết (*cụ thể tại phụ lục gửi kèm*).

Trên đây là báo cáo tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Nơi nhận:
- UBND thành phố (để b/c);
- Sở Tư pháp;
- GĐ, PGĐ Sở P.T.Đào;
- Lưu: VT, CCPTNT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Thị Đào

Phụ lục. Tiếp thu ý kiến thẩm định Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 463 */SNNMT-CCPTNT ngày* 30 *tháng* 6 *năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường
1	Sở Tài chính đã có ý kiến tham gia tại Công văn số 5566/STC-TCHCSN ngày 16/6/2026. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa các nội dung theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính tại Dự thảo Nghị quyết; đồng thời giải trình, làm rõ các nội dung tại Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo nghị quyết của HĐND thành phố.
2	Đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý: *"Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030".*	Tiếp thu, chỉnh sửa
3	Về dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết a) Đoạn đầu của Điều 1 dự thảo có đoạn "Quy định này quy định:". Do đó, đề nghị bỏ cụm một số từ sau đây tại khoản 1, khoản 2 cho ngắn gọn, tránh trùng lặp: - Bỏ cụm từ "*Quy định này quy định*" tại khoản 1; - Bỏ từ "*Quy định*" tại khoản 2. b) Khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định về tiêu chí phân bổ vốn theo mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu: các điểm a, b, c có nội dung quy định tương đồng. Tuy nhiên, cuối điểm c có thêm quy định "*phần tỷ lệ tăng thêm không đủ 10%*	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung

	không tính điểm". Đề nghị bổ sung quy định này vào cuối điểm a, b cho thống nhất. c) Khoản 4 Điều 4 dự thảo về xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương: - Đề nghị bỏ đoạn "*VBQ là định mức vốn đầu tư công của một điểm*" tại điểm b cho ngắn gọn, tránh trùng lặp; do ký hiệu này đã được quy ước tại điểm a. - Đề nghị sửa điểm đ như sau cho rõ ràng: "*Vốn đầu tư công ngân sách thành phố cân đối bổ sung cho Chương trình để phân bổ thêm cho các xã không thuộc kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 nhưng có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.* *Mức vốn phân bổ bổ sung cho mỗi xã được tính như sau:* $Vi' = VBQ \times Ti'$. *Trong đó:* *Vi' là mức vốn phân bổ bổ sung cho xã i;* *Ti' là số điểm bổ sung cho xã i được xác định theo điểm c khoản 2 Điều này.* *Tổng vốn đầu tư công ngân sách thành phố bổ sung cho Chương trình được tính bằng tổng mức vốn phân bổ bổ sung cho tất cả các xã có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030*"	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung
4	Điều 6 dự thảo quy định cơ chế thực hiện Chương trình: - Khoản 1 quy định: "*Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ) và quy định của pháp luật có liên quan*". Cách viện dẫn văn vản quy phạm pháp luật đã được quy định cụ thể tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Do đó, quy ước gọi tắt văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn là không cần thiết; đề nghị bỏ đoạn "*sau đây*	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung

	gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ" tại quy định nêu trên. Đồng thời, rà soát chỉnh lý, bỏ cụm từ "*của Chính phủ*" ở những lần viện dẫn tiếp theo của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP cho phù hợp với quy định. - Khoản 3 sử dụng chữ cái theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Anh để đánh thứ tự các điểm là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Phần III Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đề nghị rà soát, đánh lại thứ tự các điểm tại khoản 3 theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt. - Khoản 3: Đề nghị sửa cơ quan ban hành Thông tư số 60/2026/TT-BTC thành "*Bộ trưởng Bộ Tài chính*" cho chính xác. đ) Điểm c khoản 5 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 6, điểm c khoản 2 Điều 8 dự thảo sử dụng từ viết tắt không đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh lý không sử dụng từ viết tắt trong dự thảo	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến:

- Ngày 29/5/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 6174/SNNMT-CCPTNT về việc đăng tải lấy ý kiến tổ chức, cá nhân về hồ sơ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Thời gian xin ý kiến: ngày bắt đầu: 01/6/2026; ngày kết thúc: 10/6/2026.

- Ngày 04/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 6440/SNNMT-CCPTNT về việc lấy ý kiến Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện CTMT QG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng gửi xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức gồm: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các sở, ngành thành phố; Công an thành phố; Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; Thống kê thành phố; Uỷ ban nhân dân các xã; Ủy ban nhân dân 03 phường (Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi và Trần Liễu) và Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải và Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 93 ý kiến lần 1 *(trong đó: có 86 cơ quan có ý kiến nhất trí; 07 cơ quan có ý kiến tham gia đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Nghị quyết);* 15 ý kiến tham gia lần 2 *(trong đó: có 14 cơ quan có ý kiến nhất trí; 01 cơ quan có ý kiến tham gia đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Nghị quyết).*

2. Kết quả cụ thể như sau:

I. Danh sách các cơ quan tham gia ý kiến dự thảo

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
A	**VĂN BẢN XIN Ý KIẾN LẦN I**			
I	**Ý kiến của các sở, ngành**			
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	792/MTTQ-BTT	12/6/2026	Có ý kiến tham gia
2	Sở Tài chính	5566/STC-TCHCSN	16/6/2026	Có ý kiến tham gia
3	Sở Nội vụ	3234/SNV-CCHC&PC	15/6/2026	Nhất trí
4	Sở Tư pháp	2728/STP-XDVB	11/6/2026	Có ý kiến tham gia
5	Sở Khoa học và Công nghệ	2336/SKHCN-HTS&CNg	09/6/2026	Có ý kiến tham gia
6	Sở Ngoại vụ	1663/NV-VP	05/6/2026	Nhất trí
7	Sở Y tế	6336/SYT-KHTC	10/6/2026	Nhất trí
8	Thanh tra thành phố	1438/TTTP-NV9	09/6/2026	Nhất trí
9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	3439/SVHTTDL-QLVHGĐ	10/6/2026	Nhất trí
10	Sở Xây dựng	6157/SXD-QHKT	09/6/2026	Nhất trí
11	Sở Công Thương	3231/SCT-NL	12/6/2026	Nhất trí
12	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	4190/BCH HCKT	09/6/2026	Nhất trí
13	Ban Quản lý khu Kinh tế thành phố	3304/BQL-TNMT	16/6/2026	Nhất trí
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	3540/SGDĐT-QLCL	11/6/2026	Nhất trí
15	Công an thành phố	7549/CAHP-PV01	15/6/2026	Nhất trí
II	**Các đơn vị trực thuộc Sở NN&MT**			
16	Ban Quản lý cảng cá, bến cá	195/BQLCC-PNV	25/6/2026	Nhất trí
17	Văn phòng Sở	134/VP	25/6/2026	Nhất trí
18	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thật vật	678/CCTTBVTV-NV	24/6/2026	Nhất trí
19	Trung tâm Quan trắc môi trường	178/TTQTMT-TVDV	24/6/2026	Nhất trí
20	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng chống thiên tai	1012/CCTNNPCTT-TL	24/6/2026	Nhất trí
21	Ban Quản lý rừng và Khuyến Nông	330/BQLRKN-PKTNN	24/6/2026	Nhất trí

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
22	Phòng Quản lý môi trường	751/QLMT	24/6/2026	Nhất trí
23	Chi cục Kiểm lâm	636/CCKL-TCHC	23/6/2026	Nhất trí
24	Văn phòng Đăng ký đất đai	1251/VPĐKĐ-HCTH	25/6/2026	Nhất trí
	XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU			
25	xã An Hưng	1071/UBND-KT	18/6/2026	Nhất trí
26	xã An Khánh	1282/UBND-KT	18/6/2026	Nhất trí
27	xã An Trường	1459/UBND-KT	05/6/2026	Nhất trí
28	xã An Lão	1309/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
29	xã Kiến Thụy	1581/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
30	xã Kiến Minh	2110/UBND-KT	17/6/2026	Nhất trí
31	xã Kiến Hải	1618/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
32	xã Kiến Hưng	1792/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
33	xã Nghi Dương	1423/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
34	xã Quyết Thắng	1550/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
35	xã Tiên Lãng	1653/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
36	xã Tân Minh	1109/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
37	xã Tiên Minh	969/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
38	xã Chấn Hưng	825/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
39	xã Hùng Thắng	1597/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
40	Vĩnh Bảo	1482/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
41	xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	1141/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
42	xã Vĩnh Am	980//UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
43	xã Vĩnh Hải	1169/UBND-KT	14/6/2026	Nhất trí
44	xã Vĩnh Hòa	1142/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
45	xã Vĩnh Thịnh	1922/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
46	xã Vĩnh Thuận	1319/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
47	xã Việt Khê	1353/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
48	xã Nam An Phụ	880/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
49	xã Nam Sách	2127/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
50	xã Thái Tân	894/UBND-KT	06/6/2026	Nhất trí
51	xã Trần Phú	1155/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
52	xã Hợp Tiến	1323/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
53	xã An Phú	1509/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
54	xã Thanh Hà	1295/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
55	xã Hà Tây	1165/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
56	xã Hà Bắc	1672/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
57	xã Hà Nam	1209/UBND-KT	04/6/2026	Nhất trí
58	xã Hà Đông	1236/UBND-KT	16/6/2026	Nhất trí
59	xã Mao Điền	1202/UBND-KT	14/6/2026	Nhất trí
60	xã Cẩm Giàng	1580/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
61	xã Cẩm Giang	1302/UBND-KT	13/6/2026	Nhất trí
62	xã Tuệ Tĩnh	1296/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
63	xã Kẻ Sặt	1063/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
64	xã Bình Giang	1307/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
65	xã Thượng Hồng	973/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
66	xã Gia Lộc	1282/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
67	xã Yết Kiêu	1361/UBND-KT	19/6/2026	Nhất trí
68	xã Gia Phúc	1196/UBND-KT	17/6/2026	Nhất trí
69	xã Trường Tân	1162/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
70	xã Tứ Kỳ	1246/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
71	xã Tân Kỳ	1245/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
72	xã Đại Sơn	1411/UBND-KT	05/6/2026	Nhất trí
73	xã Chí Minh	1159/UBND-KT	14/6/2026	Nhất trí
74	xã Lạc Phượng	1427/UBND-KT	10/6/2026	Có ý kiến tham gia

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
75	xã Nguyên Giáp	1371/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
76	xã Ninh Giang	1103/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
77	xã Vĩnh Lại	1154/UBND-KT	09/6/2026	Có ý kiến tham gia
78	xã Khúc Thừa Dụ	1533/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
79	xã Tân An	1043/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
80	xã Hồng Châu	933/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
81	xã Thanh Miện	1302/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
82	xã Bắc Thanh Miện	995/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
83	xã Hải Hưng	1757/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
84	xã Nguyễn Lương Bằng	1436/UBND-KT	07/6/2026	Nhất trí
85	xã Nam Thanh Miện	1565/UBND-KT	18/6/2026	Nhất trí
86	xã Phú Thái	1403/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
87	xã Lai Khê	1427/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
88	xã An Thành	751/UBND-KT	16/6/2026	Có ý kiến tham gia
89	xã Kim Thành	906/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
90	Đặc khu Cát Hải	3247/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
91	Phường Trần Liễu	1167/UBND-KT,HT&ĐT	08/6/2026	Nhất trí
92	Phường Nguyễn Trãi	747/UBND-KTHTĐT	12/6/2026	Nhất trí
93	Phường Trần Hưng Đạo	1010/UBND-KTHTĐT	08/6/2026	Nhất trí
B	**VĂN BẢN XIN Ý KIẾN LẦN II**			
I	**Ý kiến của các sở, ngành**			
1	Hội Nội dân thành phố	277-CV/HNDT	29/6/2026	Nhất trí
2	Sở Xây dựng	7089/SXD-QHKT	29/6/2026	Nhất trí
3	Sở Ngoại vụ	1962/NV-VP	29/6/2026	Nhất trí
II	**Các xã, phường, đặc khu**			
4	xã Cẩm Giàng	1854/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
5	xã Đường An	1298/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
6	xã Quyết Thắng	1774/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
7	xã Kiến Thụy	2068/UBND-XDNNMT	29/6/2026	Nhất trí
8	xã Tân An	1161/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
9	xã Tứ Kỳ	1419/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
10	xã Hà Nam	1427/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
11	xã Hồng Châu	1054/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
12	phường Trần Liễu	1393/UBND-KT,HT&ĐT	29/6/2026	Nhất trí
13	xã Vĩnh Lại	1331/UBND-KT	29/6/2026	Có ý kiến tham gia
14	xã Nguyên Giáp	1570/UBND-KT	30/6/2026	Nhất trí
15	Xã Kiến Minh	2315/UBND-KT	30/6/2026	Nhất trí

II. Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia dự thảo Nghị quyết

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
1	Mặt trận Tổ quốc thành phố	1. Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết nêu "...diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định…", đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung thành "...diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng …";	Tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau: a) Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện đất đã tặng cho. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. b) Ưu tiên xem xét giao đất ở mới không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.	
		2. Tại điểm b khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định nêu "Tiêu chí trình độ phát triển: Xã, đặc khu có tỷ lệ hộ nghèo trên 0% được tính: 25 điểm;". Việc xác định điểm còn mang tính cào bằng dẫn đến việc phân bổ nguồn lực không được tập trung, trọng tâm, trọng điểm; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu xác định điểm theo số hộ nghèo thuộc địa phương (Ví dụ: Xã, đặc khu có hộ nghèo dưới 10 hộ được tính 10 điểm; từ trên 10 hộ đến 20 hộ được tính 20 điểm; trên 20 hộ được tính 25 điểm).	2. Đã lược bỏ tiêu chí này trong Nghị quyết	
2	Sở Tài chính	1. Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định: "Phân bổ hỗ trợ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ sau: Thực hiện công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng; ...". Đối với việc phân bổ hỗ trợ thực hiện nội dung, nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng hình thành từ Chương trình nông thôn mới: Ngày 19/12/2025, Uỷ ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 240/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	Đã lược bỏ nội dung này trong Nghị quyết. Nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên của Chương trình được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 60/TT-BTC ngày 31/5/2026 hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Đối chiếu với quy định, hệ thống điện chiếu sáng hình thành từ Chương trình nông thôn mới thuộc chung hệ thống chiếu sáng công cộng, cấp xã thực hiện quản lý, vận hành theo phân cấp. Do vậy, việc tách riêng công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng hình thành từ Chương trình nông thôn mới có phù hợp và thuận tiện để cấp xã thực hiện hay không? Đề nghị cơ quan soạn thảo tham vấn ý kiến của Sở Xây dựng đối với nội dung này để xác định cụ thể.	Đã lược bỏ nội dung này trong Nghị quyết. Nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên của Chương trình được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 60/TT-BTC ngày 31/5/2026 hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030	
		2) Tại Điều 5 dự thảo Quy định: - Tại khoản 1 "Nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên ngân sách thành phố" quy định trong dự thảo danh mục có nhiều nôi dung chi, có nguy cơ chồng lấn với nhiệm vụ chi chuyên ngành hoặc chi sự nghiệp khác. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét cơ cấu lại thành nhóm chi (Chi quản lý, điều hành Chương trình; Chi hỗ trợ duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí Nông thôn mới; Chi hỗ trợ phát triển sản xuất và kinh tế nông thôn;...) đảm bảo không trùng lắp, chồng lấn sang nhiệm vụ khác trên địa bàn thành phố		
2	Sở Tài chính	Tại khoản 2, khoản 3 "2. Tổng mức vốn sự nghiệp phân bổ cho các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã không vượt quá 15% tổng vốn đầu tư phát triển giao trực tiếp thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền quyết định (bao gồm kinh phí quản lý Chương trình quy định tại khoản 3 Điều này). 3. Kinh phí quản lý điều hành Chương trình được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách chi thường xuyên hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình."	Giai đoạn 2021-2025: Bố trí 183,17 tỷ đồng vốn chi thường xuyên cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng bố trí (bao gồm cả Hải Phòng và Hải Dương (cũ)). - Giai đoạn 2026-2030, Chương trình MTQG tích hợp 03 MTQG Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các nội dung của Chương trình MTQG giảm nghèo bền	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý, căn cứ thực tiễn để xác định tỷ lệ % bố trí kinh phí tại nội dung nêu trên.	vững và Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chủ yếu sử dụng vốn chi thường xuyên để thực hiện các nội dung thành phần. Do đó, phần kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình dự kiến tăng tối thiểu gấp 03 lần so với riêng vốn sự nghiệp bố trí cho chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, đề xuất bố trí vốn chi thường xuyên cho thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 không quá 15% vốn đầu tư phát triển.	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Về dự thảo Nghị quyết: - Đề nghị cơ quan chủ trì xác định hình thức của Nghị quyết là quy định trực tiếp hay ban hành Quy định để bố cục, trình bày lại các nội dung theo mẫu số 17 hoặc mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đề nghị lược bỏ các văn bản viện dẫn trong phần căn cứ ban hành: + Văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15, Nghị quyết số 424 /NQ-CP, Quyết định số 417/QĐ- BNNMT. + Văn bản quy phạm pháp luật không có nội dung liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị quyết: Nghị quyết số	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		76/2025/UBTVQH15, Nghị quyết số 202/2025/QH15, Nghị quyết số 190/2025/QH15.		
6	UBND xã An Thành	Để chính sách đi vào cuộc sống UBND xã đề nghị thay đổi một số từ để thuận tiện cho công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong quá trình thực hiện. Ngân sách thành phố hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân sau khi tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng các công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới mà "diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định" (không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho). Đề nghị đổi thành... "diện tích còn lại không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở". Quy định rõ cơ chế thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 để người dân dễ hiểu, dễ áp dụng thực hiện.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
6	UBND xã Vĩnh Lại	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung hoặc xem xét trong quá trình xác định điểm phân bổ vốn các yếu tố phản ánh khối lượng quản lý thực tế của địa phương như số lượng thôn, khu dân cư; quy mô hệ thống giao thông nông thôn cần quản lý, duy tu; số lượng công trình hạ tầng công cộng và nhu cầu đầu tư hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới hiện đại. Việc bổ sung các tiêu chí này sẽ góp phần bảo đảm phân bổ nguồn lực sát thực tế, công bằng và hiệu quả hơn giữa các địa phương.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng: qui định tiêu chí tính điểm phân bổ vốn theo các nhóm tiêu chí: đối tượng xã; theo mục tiêu về đích xây dựng nông thôn mới; theo mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu.	
		Đối với cơ chế phân cấp cho cấp xã: UBND xã Vĩnh Lại thống nhất với chủ trương tăng cường phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng quy định thứ tự ưu tiên đầu tư, lĩnh vực ưu tiên đầu tư... Các nội dung khác về trình tự xây dựng danh mục dự án, cơ chế điều chỉnh kế hoạch	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		tiết nguồn vốn Chương trình trên địa bàn theo quy định của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu ban hành hướng dẫn thống nhất về trình tự xây dựng danh mục dự án, nguyên tắc xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, cơ chế điều chỉnh kế hoạch vốn trong quá trình thực hiện và hệ thống biểu mẫu quản lý, báo cáo nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm thống nhất trên phạm vi toàn thành phố.	vốn trong quá trình thực hiện và hệ thống biểu mẫu quản lý, báo cáo thực hiện theo Luật đầu tư công, Luật quản lý Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.	
		Đối với cơ chế lồng ghép nguồn vốn. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể hơn trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình lập kế hoạch, phân bổ, quản lý và quyết toán nguồn vốn lồng ghép; đồng thời hướng dẫn rõ phương pháp xác định tỷ lệ đóng góp của từng nguồn vốn đối với các công trình, dự án thực hiện lồng ghép để thuận lợi cho công tác thanh tra, kiểm tra, quyết toán sau này.	Nội dung này được thực hiện Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	
7	UBND xã Lạc Phượng	Đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi số và xây dựng nông thôn mới hiện đại. Đề nghị tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hoạt động phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng mã số vùng trồng, phát triển sản phẩm OCOP, nâng cao năng lực hợp tác xã nông nghiệp và hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời đề nghị quan tâm hỗ trợ đầu tư hạ tầng số, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nông nghiệp, xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành chương trình xây dựng nông thôn mới ở cấp xã.	Các nội dung này thực hiện theo qui định tại Thông tư 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026. Nguồn kinh phí chi thường xuyên của Chương trình (Điều 5 Quy định kèm theo)	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Đối với chính sách hỗ trợ người dân hiến đất xây dựng công trình giao thông nông thôn. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, trình tự xác định giá trị tài sản được hỗ trợ; cơ chế thẩm định, phê duyệt kinh phí; trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng và hạn chế phát sinh vướng mắc tại cơ sở.	Hồ sơ, trình tự xác định giá trị tài sản được hỗ trợ; cơ chế thẩm định, phê duyệt kinh phí; trách nhiệm của các cơ quan liên quan... thực hiện theo các quy định của pháp luật về đất đai	
8 8	Sở Tư pháp	1. Về nội dung dự thảo a) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Nghị quyết và Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết), dự thảo quy định: "Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng". Cách quy định về phạm vi điều chỉnh như trên là nhắc lại toàn bộ tên gọi của Nghị quyết, chưa đảm bảo quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị quyết này vừa quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 vừa quy định nội dung khác. Do đó, đề nghị chỉnh lý theo hướng nêu đầy đủ các nội dung theo đúng quy định nêu trên; có thể tách từng nội dung thành các khoản riêng cho rõ ràng.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
		Điều 4 dự thảo Nghị định quy định về chính sách đặc thù trong thực hiện xây dựng nông thôn mới... có một số vấn đề như sau: - Quy định chưa phân định rõ các nội dung về đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ. Có các đoạn trình bày trong ngoặc	- Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung. Qui định cụ thể như sau (Điều 7 Quy định kèm theo)	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	Sở Tư pháp	đơn "( )" được in nghiêng, không rõ đây là quy định hay giải thích thêm cụ thể cho các quy định ở trước. Đề nghị bố cục lại các quy định trên, có thể chia thành các điểm để thể hiện rõ các nội dung về đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ. Nội dung quy định được trình bày thống nhất bằng kiểu chữ đứng; không có phần giải thích thêm cho các quy định. - Đối với chính sách hỗ trợ tiền sử dụng đất tại khoản 2: + Theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cá nhân được giao đất ở thông qua 02 hình thức: (1) giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất; (2) giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất thì phải thuộc đối tượng và đủ điều kiện theo quy định; các trường hợp khác phải thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo nêu trên chưa rõ, việc hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới là giao bằng hình thức nào? Trường hợp này có thuộc trường hợp được giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hay không? Đề nghị thuyết minh làm rõ. + Quy định "diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định" là không phù hợp với quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 vì theo pháp luật đất đai hiện hành không có quy định về diện tích đất không đủ điều kiện hình thành thửa đất mà chỉ có quy định về diện tích tối thiểu được phép tách tách thửa. Do đó, đề nghị chỉnh lý, sử dụng từ ngữ cho phù hợp với quy định của pháp luật Đất đai.	Điều 7. Quy định chính sách đặc thù trong thực hiện nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới 1. Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất. 2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau: a) Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện đất đã tặng cho. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. b) Ưu tiên xem xét giao đất ở mới không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.	
	Sở Tư pháp	Khoản 4 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết quy định về phương pháp xác định mức phân bổ vốn cho từng địa phương:.. Quy định này có một số vấn đề như sau: - Đoạn lời dẫn sau tên Điều 4 nêu: "Vốn ngân sách thành phố phân bổ cho các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg. Mức điểm phân bổ vốn cho từng địa phương như sau:...". Tuy nhiên, khoản 4 quy định về phương pháp xác định mức phân bổ là chưa thống nhất. Đề nghị chỉnh lý cho thống nhất. - Quy định cách xác định tổng điểm nêu trên viện dẫn đến các điểm được phân bổ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 4 cũng quy định về mức điểm phân bổ. Như vậy, việc viện dẫn là chưa đầy đủ. - Hai công thức nêu trên sử dụng từ ngữ chưa chính xác, chưa phân biệt: giữa tổng điểm phân bổ ngân sách cho từng xã, phường, đặc khu với tổng điểm phân bổ ngân sách cho tất cả các xã, phường, đặc khu; giữa tổng vốn ngân sách phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu để thực hiện Chương trình với tổng vốn ngân sách thành phố phân bổ cho tất cả các xã, phường, đặc khu để thực hiện Chương trình. Do đó, hai công thức không thể hiện được các nội dung cần tính toán khác nhau mà là phép đảo lại của phép	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, cụ thể phương pháp xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương (tại Điều 4 khoản 4 Quy định kèm theo Nghị quyết). Phương pháp xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương a) Định mức vốn của một điểm $V_{BQ} = \frac{V}{T_{tp}}$ Trong đó: V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm; V là tổng vốn đầu tư công bố trí trực tiếp cho Chương trình giai đoạn 2026-2030;	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		tính nhân, chia. Đề nghị chỉnh lý, sử dụng từ ngữ cho chính xác, phân biệt các rõ các nội dung như đã nêu trên	T_{tp} là tổng số điểm của các địa phương xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí phân bổ vốn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này. b) Mức vốn phân bổ cho mỗi xã $V_i = V_{BQ} \times T_i$ Trong đó: V_i là mức vốn phân bổ cho xã i; V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm; T_i là tổng số điểm của xã i theo các tiêu chí phân bổ vốn. d) Căn cứ vào tổng mức vốn đầu tư công ngân sách thành phố của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại Nghị quyết này để phân bổ cho các địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Hằng năm, căn cứ lộ trình, mục tiêu, nhiệm vụ hoàn thành xây dựng nông thôn mới của từng xã theo kế hoạch được phê duyệt, nhu cầu vốn thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách thành phố để bố trí và tập trung nguồn vốn đầu tư công phù hợp giữa các năm.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			đ) Vốn đầu tư công ngân sách thành phố cân đối bổ sung thêm cho Chương trình để bố trí thêm cho các xã không thuộc kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 nhưng có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Vốn bổ sung của mỗi xã = V_{BQ} x số điểm bổ sung của mỗi xã. Tổng vốn được bổ sung của thành phố được tính bằng tổng số vốn bổ sung của các xã có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.	
		Khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết về nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên ngân sách thành phố. - Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 quy định: "Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả"; không giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định về nội dung phân bổ. Theo tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự thảo cũng không xác định nội dung quy định này. Do đó, đề nghị giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố được quy định về nội dung phân bổ. Nếu có cơ sở thì điều chỉnh tên gọi, phạm vi điều chỉnh cho phù hợp. Nếu không có cơ sở, đề nghị bỏ.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		- Gạch đầu dòng thứ hai quy định: "Hàng năm, trên cơ sở đề xuất nhu cầu vốn của các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt". Nội dung này là không thống nhất với tiêu đề của khoản. Đề nghị chỉnh lý cho thống nhất.		
	Sở Tư pháp	Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản a) Tên Nghị quyết là "Nghị quyết quy định..." (Nghị quyết quy định trực tiếp). Tuy nhiên, theo cách trình bày của dự thảo thì Nghị quyết vừa có nội dung quy định trực tiếp, vừa ban hành Quy định kèm theo Nghị quyết. Theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và mẫu số 17, 18 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP thì có 02 hình thức ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, việc soạn thảo văn bản cần tuân thủ theo đúng mẫu văn bản đối với từng trường hợp b) Bố cục của toàn bộ dự thảo không phù hợp với quy định tại Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Phần III Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đề nghị rà soát, chỉnh lý bố cục trình bày của dự thảo theo đúng quy định. c) Phần căn cứ pháp lý, đề nghị: - Sửa căn cứ các Luật thành "Căn cứ Luật... số"; "Căn cứ Luật ....số được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số..." - Bỏ các căn cứ pháp lý không phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP d) Đề nghị rà soát, chỉnh lý phần nơi nhận cho chính xác và phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Ban hành văn bản quy	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, trình bày Nghị quyết theo mẫu số 18 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	Sở Tư pháp	phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Phụ lục I kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; cụ thể như sau: - Sửa "Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp)" thành "Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp". - Bổ sung "Sở Tư pháp" (tách riêng) đ) Khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết sử dụng dấu "..." để thay cho ngôn ngữ tiếng Việt là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đề nghị chỉnh lý, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt để diễn đạt nội dung quy định cho rõ ràng, tránh việc sử dụng quy định tùy nghi trên thực tế. e) Đề nghị rà soát, chỉnh lý việc viện dẫn văn bản trong dự thảo cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)	- Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
		g) Dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết sử dụng từ ngữ viết tắt không phù hợp với quy định tại Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP		

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ

Thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị quyết

2.1. Giai đoạn 2021-2025

Trong giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả tích cực và toàn diện, là một trong các địa phương đi đầu của cả nước về thành tích xây dựng nông thôn mới. Tính đến thời điểm hợp nhất (ngày 01/7/2025), thành phố Hải Phòng cũ (khu vực phía đông Hải Phòng hiện nay) có 100% xã đạt chuẩn NTM, 100% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 58% xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 67% huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024. Tỉnh Hải Dương (khu vực phía Tây Hải Phòng hiện nay) có 100% xã đạt chuẩn NTM, 50% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 21,2% xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 100% huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 (là 1 trong 5 Thành phố, thành phố đầu tiên được công nhận

hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới). Để đạt được những kết quả nêu trên, thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh phố Hải Dương đã ban hành kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, như: quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thực hiện các chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; cơ chế lồng ghép các nguồn vốn ngân sách trong xây dựng nông thôn mới; chính sách vận động nhân dân tặng cho quyền sử dụng đất để nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông. Trong đó, nổi bật như:

- Thành phố Hải Phòng cũ:

+ Đã ban hành 02 chính sách đặc thù hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023), bao gồm: (1) Ngân sách thành phố hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc trên đất tặng cho quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi mặt bằng xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu. Mức hỗ trợ không vượt quá 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc *(theo mức đơn giá vật kiến trúc, cây trồng phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng)*; (2) Ngân sách thành phố hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân sau khi tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới mà diện tích còn lại không còn đủ điều kiện để ở (không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho). Diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng đất không vượt quá diện tích đất ở cũ của hộ dân trước khi tặng cho.

+ Để nâng cấp, mở rộng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu, các địa phương vận động khoảng 43.750 trường hợp tặng cho 832.650m^2 đất (gồm: 454.315m^2 đất ở, 378.335m^2 đất nông nghiệp), ước giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, bằng 30% so với tổng vốn đầu tư công ngân sách thành phố hỗ trợ xây dựng nông thôn mới *(ngân sách thành phố bố trí 15.925 tỷ đồng cho xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu)*. Trong đó: đã hỗ trợ 1.315 tỷ đồng cho 28.211 trường hợp có vật kiến trúc trên đất tặng cho, chiếm khoảng 8% tổng mức kinh phí bình quân ngân sách thành phố hỗ trợ cho mỗi xã; đã hỗ trợ 2,335 tỷ đồng cho 05 trường hợp bố trí chỗ ở mới.

- Tỉnh Hải Dương: quy định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 02 tỷ đồng/xã; xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là 03 tỷ đồng/xã. Các địa phương cân đối, bố trí nguồn trực tiếp từ ngân sách xã để thực đầu tư xây dựng nông thôn mới.

2.2. Giai đoạn 2026-2030

Giai đoạn 2026–2030, xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai trên phạm vi cả nước theo chủ trương tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025

của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, làm cơ sở để các địa phương xây dựng mục tiêu, lộ trình và giải pháp tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới;

- Tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội đã xác định mục tiêu: Đến năm 2030, phấn đấu cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; phấn đấu có 05 Thành phố, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, thực hiện theo 02 mức độ: nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại *(giai đoạn 2021-2025 xây dựng nông thôn mới theo 03 mức độ: nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu);*

- Tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng chính phủ, đã quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), áp dụng cho các năm ngân sách 2026-2030 làm căn cứ, định hướng để các thành phố xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 2 cấp đã mở rộng quy mô đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực và tổ chức phát triển kinh tế - xã hội theo quy mô lớn hơn, song cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức sản xuất … so với giai đoạn 2021-2025;

- Sau khi mở rộng địa giới và điều chỉnh đơn vị hành chính, khu vực nông thôn của Hải Phòng có sự phân hóa rõ rệt hơn: Một số địa bàn ven đô, gần trung tâm thành phố hoặc các khu công nghiệp có mức độ đô thị hóa cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang công nghiệp – dịch vụ; trong khi đó, nhiều khu vực xa trung tâm, ven biển hoặc vùng bãi ngang vẫn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, thủy sản, hạ

tầng và dịch vụ còn hạn chế; từ đó, dẫn đến sự chênh lệch về thu nhập, điều kiện hạ tầng, chất lượng dịch vụ xã hội và khả năng huy động nguồn lực giữa các địa phương.

Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 là cần thiết nhằm huy động tối đa nguồn lực xã hội, phát huy vai trò chủ thể của người dân, đồng thời đảm bảo xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, bền vững và phù hợp với bối cảnh phát triển mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo hướng bền vững.

Mục đích ban hành Nghị quyết:

+ Nhằm cụ thể hóa theo quy định tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035; quy định tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2026 của Chính phủ.

+ Xác lập khung pháp lý thống nhất về phân bổ vốn ngân sách thành phố trong phạm vi tổng mức đã được cấp có thẩm quyền quyết định; làm căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán, kế hoạch vốn ngân sách thành phố thực hiện Chương trình; đồng thời, quy định vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo nhóm địa phương căn cứ khả năng cân đối ngân sách.

+ Bảo đảm phân bổ nguồn lực tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; khắc phục tình trạng dàn trải, bình quân; tăng cường trách nhiệm của địa phương trong bố trí vốn đối ứng và tổ chức thực hiện; bảo đảm Chương trình được triển khai thống nhất, công khai, minh bạch và phù hợp với cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích

(1) Việc đánh giá thủ tục hành chính được thực hiện nhằm mục đích:

- Đánh giá được sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết;

- Bảo đảm sự đồng bộ giữa các thủ tục hành chính với các điều kiện được quy định trong dự thảo Nghị quyết, góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

(2) Việc phân quyền, phân cấp

Rà soát việc phân quyền và phân cấp thẩm quyền giữa Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, địa phương để đảm bảo hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và yêu cầu phát triển.

(3) Đánh giá việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Kiểm tra việc ứng dụng công nghệ, thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn diện trong nông nghiệp, liên quan đến thực hiện các chính sách trong Nghị quyết.

(4) Đánh giá quá trình chuyển đổi số: Rà soát việc áp dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước và các lĩnh vực khác liên quan đến thực hiện các chính sách trong Nghị quyết và thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất và chất lượng hoạt động.

(5) Đảm bảo bình đẳng giới và chính sách dân tộc: Đánh giá sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết với các quy định về bình đẳng giới, chính sách dân tộc, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các giới và dân tộc.

2.2. Yêu cầu đánh giá

- Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các quy định tại Nghị định 78/2025/NĐ-CP và Nghị định 187/2025/NĐ-CP.

- Nội dung đánh giá phải khách quan, toàn diện, phản ánh đúng tác động của các quy định trong dự thảo Nghị quyết đối với tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý nhà nước.

- Bảo đảm việc quy định thủ tục hành chính (nếu có) theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ thực hiện, không tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

- Việc phân quyền, phân cấp phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cấp chính quyền, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách.

- Các chính sách trong dự thảo Nghị quyết cần góp phần thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp hiện đại và bền vững của thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Kết quả rà soát, đánh giá cho thấy: trong dự thảo"Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng" không quy định thủ tục hành chính (không quy định

trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức); không có đầy đủ các bộ phận tạo thành một thủ tục hành chính hoàn chỉnh theo quy định. Do vậy, không tiến hành đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết.

2. Việc phân quyền, phân cấp

- Về nội dung phân quyền: Dự thảo Nghị quyết không có quy định về phân quyền.

- Về nội dung phân cấp:

+ Dự thảo Nghị quyết chính là việc cụ thể hóa phân cấp của Trung ương cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; Điểm c Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Điểm a Khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

+ Về nội dung phân cấp cho cấp xã: Nghị quyết được thiết kế theo hướng tăng cường phân cấp cho cấp xã, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cụ thể: Tại Điều 3 về nguyên tắc phân bổ, dự thảo Nghị quyết phân cấp cho cấp xã trong việc phân bổ chi tiết nguồn vốn của Chương trình theo nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị quyết không quy định trực tiếp chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, nhưng các quy định trong dự thảo Nghị quyết gián tiếp tạo thuận lợi cho việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cụ thể, việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ triển khai thực hiện hiệu quả nội dung thành phần số 06 về "phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn"; hỗ trợ hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới (nhóm tiêu chí số 07; tiêu chí 10.3), tiêu chí nông thôn mới hiện đại (nhóm tiêu chí về "bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo"; "Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số".

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Qua rà soát toàn bộ, dự thảo Nghị quyết không quy định các nội dung liên quan đến phân biệt, đối xử về giới. Dự thảo không làm thay đổi chính sách về bình đẳng giới hiện hành; không phát sinh thủ tục, chi phí hoặc rào cản mới ảnh hưởng đến một giới cụ thể. Các quy định trong dự thảo Nghị quyết bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội, điều kiện tiếp cận, năng lực thụ hưởng các quyền, lợi ích của tất cả các tổ chức, cá nhân (không phân biệt về giới) theo quy định của pháp luật Việt Nam

và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị quyết không quy định các nội dung, chính sách dân tộc mới, không điều chỉnh tiêu chí phân loại địa bàn, không thay đổi mục tiêu, nội dung thành phần của Chương trình đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, mà chỉ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 trong phạm vi mức vốn ngân sách thành phố bố trí để thực hiện các nội dung, chính sách, quy định của Chương trình.

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết dựa trên tiêu chí, phân loại về loại xã, các tiêu chí về quy mô diện tích, dân số, trình độ phát triển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ..., địa bàn càng khó khăn thì mức độ ưu tiên càng cao, qua đó giúp thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, miền.

Trên đây là đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Quyết định Ban hành Bộ tiêu chí về NTM giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 412/BC-SNNMT	*Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành pháp luật liên quan đến xây dựng Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hải phòng.

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Hội đồng nhân dân thành phố được phân cấp ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, làm cơ sở để phân bổ, giao nguồn vốn từ ngân sách thành phố để hỗ trợ triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 theo quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế ở địa phương.

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-HĐND ngày .../.../2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thành phố Hải Phòng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng kết việc thi hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện 02 Chương trình: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương trước sáp nhập, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo

* Tình hình thế giới thời gian gần đây có nhiều diễn biến phức tạp (xung đột ở một số khu vực trên thế giới vẫn tiếp diễn trong đó có khu vực ASEAN; chiến tranh thương mại giữa các nước trên thế giới,...) giá nguyên, nhiên liệu và một số mặt hàng thiết yếu phục vụ nền kinh tế nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng đều tăng cao, tác động đến tình hình kinh tế và nông nghiệp nông thôn ở nước ta.

* Trong nước: Mặc dù chịu tác động không nhỏ từ tình hình kinh tế - chính trị thế giới, kinh tế nước ta vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá ổn định, nông nghiệp, nông thôn vẫn là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế.

Đối với 02 Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững)[1], kết thúc giai đoạn 2021-2025, Trung ương thống nhất đánh giá:

+ Chương trình MTQG xây dựng NTM: Đã cơ bản hoàn thành toàn bộ các mục tiêu được Quốc hội và Chính phủ giao, trong đó, có 5/8 chỉ tiêu chủ yếu đã hoàn thành, vượt mức mục tiêu đề ra;

+ Chương trình MTQG GNBV: Đã đạt và vượt các chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm do Quốc hội và Chính phủ giao.

Ngày 26/11/2025, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 219-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình). Như vậy, trung ương đã hợp nhất 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025: xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN thành 01 Chương trình MTQG;

---

[1] Viết tắt một số cụm từ như sau: (1) MTQG: mục tiêu quốc gia; (2) NTM: nông thôn mới; (3) GNBV: giảm nghèo bền vững.

Trên cơ sở đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản thể chế hóa chủ trương của Đảng và Quốc hội thành các quy định, cơ chế, chính sách cụ thể để tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình trên toàn quốc bắt đầu từ năm 2026.

Chương trình giai đoạn 2026-2030 được triển khai thực hiện sau khi cả nước thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Với hệ thống hành chính mới, bộ máy mới, chính sách mới, đây là điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện. Quá trình hợp nhất không chỉ là sự tái cấu trúc bộ máy hành chính mà còn là sự kiến tạo một không gian phát triển mới rộng lớn hơn.

* Ở thành phố Hải Phòng:

Kết quả thực hiện 02 Chương trình MTQG: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

- Chương trình NTM:

Trước hợp nhất, thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương đã hoàn thành các mục tiêu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 do Trung ương giao, cụ thể:

+ Thành phố Hải Phòng cũ: 77/77 xã (đạt 100%) đạt chuẩn nông thôn mới; 77/77 xã (đạt 100%) xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 45/77 xã (đạt 58%) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 6/6 huyện (đạt 100%) đạt chuẩn nông thôn mới; 4/6 huyện (đạt 66,7%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024.

+ Tỉnh Hải Dương: 151/151 xã (đạt 100%) đạt chuẩn nông thôn mới; 75/151 xã (đạt 49,7%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 32/151 xã (đạt 21,2%) xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 12/12 huyện thành phố, thị xã (đạt 100%) đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Sau khi hợp nhất, thành phố Hải Phòng có 67/67 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới, 26/67 xã đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, 04/67 xã đạt các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chương trình GNBV:

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hải Phòng:

+ Tổng số hộ nghèo là 1.693 hộ *(với ... nhân khẩu)*, chiếm tỷ lệ 0,13% tổng số hộ dân *(giảm 0,35% so với tỷ lệ hộ nghèo năm 2024)*;

+ Tổng số hộ cận nghèo là 12.824 hộ *(với ... nhân khẩu)* chiếm tỷ lệ 0,99% tổng số hộ dân *(giảm 0,13% so với tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2024)*.

Bước sang giai đoạn 2026 -2030, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố khóa I, Hải Phòng xác định mục tiêu *"xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển lớn, có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo; là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và cả nước; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi trong nước và quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; hội nhập quốc tế sâu rộng"*. Thành ủy đã ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đối với lĩnh vực xây dựng NTM, GNBV, Thành ủy xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2030: có từ 80% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 50% số xã trở lên đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành chỉ tiêu về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng gấp 2,5 - 3,0 lần so với năm 2020; đến năm 2028, không còn hộ nghèo trên địa bàn thành phố (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)

Để đạt được các mục tiêu trên, cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó có việc tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xâyd ựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 với các cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả, thiết thực đặc biệt là nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho Chương trình.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Kết thúc giai đoạn 2021-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện tổng kết đánh giá đối với 02 Chương trình MTQG: xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững và tổng kết đánh giá kết quả phân bổ, giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện 02 Chương trình MTQG trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 theo chỉ đạo của các Bộ, ngành trung ương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Quy định, phân cấp của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2021-2025, thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương đều ban hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở để phân bổ vốn ngân sách hàng năm, cụ thể:

- Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND

- Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

2. Kết quả thực hiện

2.1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng cũ về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND; Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND

Giai đoạn 2021-2025, Thành phố đã triển khai đầu tư tổng số 2.611 công trình (gồm: 1.993 công trình giao thông, 221 công trình trường học, 365 công trình văn hóa, 31 công trình y tế, 02 công trình trạm trung chuyển rác thải) tại 129 xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, 04 huyện xây dựng nông thôn mới nâng cao và huyện Bạch Long Vỹ xây dựng huyện nông thôn mới đặc thù.

Tổng vốn đầu tư công thành phố bố trí hỗ trợ thực hiện là 15.495,317 tỷ đồng. Trong đó:

- Hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu: 15.295,317 tỷ đồng.

- Hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao: 110 tỷ đồng.

- Hỗ trợ xây dựng huyện nông thôn mới đặc thù: 90 tỷ đồng (trung bình

115 tỷ đồng/xã).

Đến hết năm 2025, thành phố đã phân bổ 14.198,044 tỷ đồng vốn đầu tư công để triển khai thực hiện đầu tư các công trình.

2.2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Giai đoạn 2021-2025, vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ 383 tỷ đồng hỗ trợ:

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 90 xã, tổng kinh phí 180 tỷ đồng (2 tỷ đồng/01 xã);

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 35 xã, tổng kinh phí 105 tỷ đồng (3 tỷ đồng/01 xã);

- Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới: 98 tỷ đồng.

2.3. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND

Đạt được kết quả trên là sự quyết tâm vào cuộc của các cấp ủy chính quyền địa phương các cấp trong công tác chỉ đạo, xây dựng, triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó phải đề cập đến tính hiệu quả của giải pháp xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Thành phố đã quan tâm, dành nguồn lực lớn thực hiện 02 Nghị quyết đặc thù hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho các thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội và người có hoàn cảnh khó khăn, cụ thể:

- Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND: Từ năm 2022-2025, số đối tượng được thực hiện hỗ trợ là: 65.191 lượt người, kinh phí thực hiện: 544.530 triệu đồng (riêng năm 2025 là: 14.855 người, kinh phí thực hiện: 160.585 triệu đồng).

- Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND: Số đối tượng được hỗ trợ là 6.095 người, kinh phí thực hiện là 72.924 triệu đồng.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Tiến độ giải ngân nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững còn chậm do phần lớn các dự án, tiểu dự án đang trong quá trình triển khai, chưa xác định khối lượng cụ thể; khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo;

- Công tác giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả phân bổ, giải ngân vốn giai đoạn 2021-2025 còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là cấp cơ sở (báo cáo thường chậm, số liệu báo cáo nhiều địa phương còn chưa thống nhất giữa cơ quan tài chính và cơ quan quản lý chương trình).

- Việc kế thừa, vận dụng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025 cho giai đoạn 2026-2030 không còn phù hợp với tình hình thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.

- Đa số ở các xã, nguồn lực ngân sách cấp xã còn khó khăn, do vậy khả năng đối ứng ngân sách cấp xã để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 còn nhiều hạn chế.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025, trên cơ sở đó Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mới để thể chế hóa chủ trương của Quốc hội thành các quy định, cơ chế, chính sách mới áp dụng cho giai đoạn 2026-2030.

- Từ giai đoạn 2026-2030, thực hiện Chương trình trên toàn quốc chỉ còn 2 cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh và cấp xã), đồng thời quy mô cấp tỉnh, cấp xã hiện nay lớn hơn nhiều so với giai đoạn 2021-2025, không gian, dư địa phát triển được mở rộng, quy mô phạm vi thực hiện Chương trình cũng theo đó có sự thay đổi.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng để làm cơ sở phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình.

Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở TP;
- GĐ, PGĐ Phạm Thị Đào;
- Lưu: VT, CCPTNT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Thị Đào

Phụ lục I

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan dự thảo Nghị quyết

(Kèm theo Báo cáo số 12 /BC-SNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan dự thảo Nghị quyết	Nội dung quy định/Nội dung liên quan
1	Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	*Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững. Hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với cấp Thành phố, cấp xã hiện nay. Tập trung xây dựng, thực hiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính kết nối chặt chẽ, bổ trợ hài hoà, hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái ("làng trong phố, phố trong làng") gắn kết chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc, mở thêm dư địa về không gian, nguồn lực mới cho phát triển;* *Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở nông thôn. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn";*
2	Tại điểm b Khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025	Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố: "*Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi*

		mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương";
	Tại điểm a Khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025	Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố: "*Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật*"
3	Tại điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025)	Về Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố, quy định: "*Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*";
4	Tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ	Về Đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố (được sửa đổi tại khoản 24 Điều 1 Nghị định 187/2025/NĐ-CP): *"Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp Thành phố căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân"*;
5	Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn	Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp Thành phố: *"Hội đồng nhân dân Thành phố, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả"*;

	2026-2030	
6	Tại điểm đ khoản 1 Điều 56 Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2026 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Trong đó giao Uỷ ban nhân dân cấp Thành phố: *"Các Thành phố, thành phố không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp Thành phố quyết định chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công".*
7	Điểm a Khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030	Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố: *"Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình HĐND cùng cấp quyết định"*

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Các Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ)	Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Thuyết minh
1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: ***Phạm vi:** - Xây dựng nông thôn mới cấp xã: 137 xã *(trừ 04 xã: Đồng Bài, Nghĩa Lộ, Hoàng Châu, Văn Phong thuộc huyện Cát Hải không triển khai vì nằm trong quy hoạch khu công nghiệp và dịch vụ hậu cần cảng biển)* thuộc 07 huyện. - Xây dựng huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao: 06 huyện *(Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, An Lão, Kiến Thụy, Cát Hải, Bạch Long Vĩ)*. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương:** Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Quy định này quy định: 1. Quy định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Hải Phòng. 2. Quy định cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Hải Dương.		
1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: - *Đối tượng thụ hưởng:* Là người dân, cộng đồng dân cư, hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn. - *Đối tượng thực hiện:* Hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở và toàn xã hội trong đó chủ thể là người dân trên địa bàn nông thôn. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương** 1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là cấp huyện); các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành và địa phương). 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Các sở, ban, ngành, cơ quan ở thành phố (sau đây gọi tắt là sở, ngành); các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là cấp xã) thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy định tại phụ lục III Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình. 2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: *Nguyên tắc phân bổ* - Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định hiện hành có liên quan và phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của thành phố; - Phân bổ vốn trọng tâm, trọng điểm, tập trung, không phân tán, dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố đề ra. Không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ	**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ *(Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết)*** 1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách thành phố theo thứ tự cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, xã hải đảo, xã trong kế hoạch xây dựng đạt chuẩn; các xã trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; các xã trong kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; 2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; đảm bảo công khai, minh bạch và	Nội dung được sửa đổi, bổ sung

bản trong xây dựng nông thôn mới; - Tăng cường phân cấp để tạo quyền chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện; - Bố trí vốn xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trong 02 năm (*năm bắt đầu kế hoạch triển khai – năm hoàn thành)*; - Bố trí vốn cho các sở, ban, ngành và địa phương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương** (Điều 3. Nguyên tắc phân bổ) 1. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. 2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương các cấp, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới. 3. Đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình khác. 4. Ưu tiên hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới; xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt	tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. 3. Vốn đầu tư phát triển ngân sách thành phố bố trí tập trung và theo thứ tự ưu tiên: Hạ tầng giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa - thể thao; trạm y tế. 4. Phân bổ vốn thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách và kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân ngân sách thành phố, địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 hoặc các năm trước liền kề. 5. HĐội đồng nhân dân thành phố quyết định giao dự toán, kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành thành phố và địa phương theo tổng vốn Chương trình. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn của Chương trình theo nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn. 6. Không thực hiện phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố thực hiện Chương trình đối với các phường, đặc khu không thuộc phạm vi xây dựng nông thôn mới.	

chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu hoàn thành hết năm 2023. 5. Phân bổ kinh phí thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên các tiêu chí nông thôn mới: trường học; y tế; cơ sở vật chất văn hóa; giao thông; môi trường và các tiêu chí nông thôn mới còn lại. 6. Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ qua ngân sách cấp huyện. 7. Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023. 8. Phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện công tác quản lý Chương trình các cấp; Tổ chức triển khai các chương trình chuyên đề, kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		
1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: **Tiêu chí phân bổ* - Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để hỗ trợ xây dựng, thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; - Bố trí đủ vốn cho các xã thuộc kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm, bố trí một phần vốn phân bổ cho các xã thuộc kế hoạch đạt chuẩn năm tiếp theo. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương** (Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí	**Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới** ***(Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết)*** 1. Tiêu chí phân bổ vốn theo đối tượng cấp xã a) Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã biên giới biển: 60 điểm; b) Xã nhóm 1; phường; đặc khu: 50 điểm; c) Xã nhóm 2: 30 điểm; d) Trường hợp một cấp xã đồng thời thuộc hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm a, b, c khoản này thì chỉ áp dụng một (01) mức điểm phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính	Nội dung được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở các quy định tại Quyết định 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; điểm số phân bổ cho các xã, phường, đặc

hỗ trợ) 1. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025: a) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 2 tỷ đồng/01 xã. b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 3 tỷ đồng/01 xã. c) Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, xây dựng phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ đảm bảo quy định tại Quyết định 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	trùng nhiều mức điểm đối với cùng một xã. 2. Tiêu chí phân bổ vốn theo mục tiêu về đích xây dựng nông thôn mới a) Xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch: 50 điểm; b) Xã đạt nông thôn mới hiện đại theo kế hoạch: 70 điểm c) Xã còn lại: 10 điểm. Trường hợp xã thuộc nhóm xã còn lại có khả năng phấn đấu thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, thì mỗi xã được bổ sung thêm 40 điểm để bằng số điểm của xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch. 3. Tiêu chí phân bổ vốn theo mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu a) Xã có tỷ lệ chiều dài đường xã phải nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới để đạt tiêu chí chiếm từ 30% trên tổng chiều dài đường xã: 50 điểm. Đối với phần tỷ lệ vượt 30%, cứ tăng đủ 10% được cộng thêm 05 điểm; b) Xã có tỷ lệ trường học phải nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới để đạt tiêu chí chiếm từ 50% trên tổng số trường của xã: 20 điểm. Đối với phần tỷ lệ vượt 50%, cứ tăng đủ 10% được cộng thêm 02 điểm. c) Xã có tỷ lệ công trình văn hoá - thể thao phải nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới để đạt tiêu chí chiếm từ 50% trên tổng số công trình văn hoá - thể thao của xã: 10 điểm. Đối với phần tỷ lệ vượt 50%, cứ tăng đủ 10% được cộng thêm 01 điểm; phần tỷ lệ tăng thêm không đủ 10% không tính điểm. d) Trạm y tế xã phải xây dựng mới để đáp ứng yêu cầu	khu có sự điều chỉnh căn cứ theo tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khả năng cân đối ngân sách của thành phố và phù hợp với việc thực hiện các nội dung CTMT.

	tiêu chí: 5 điểm. Trường hợp trạm y tế xã thực hiện nâng cấp, mở rộng để đáp ứng yêu cầu tiêu chí: 3 điểm. 4. Phương pháp xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương a) Định mức vốn của một điểm $$V_{BQ} = \frac{V}{T_{tp}}$$ Trong đó: V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm; V là tổng vốn đầu tư công bố trí trực tiếp cho Chương trình giai đoạn 2026-2030; T_{tp} là tổng số điểm của các địa phương xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí phân bổ vốn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này. b) Mức vốn phân bổ cho mỗi xã $$V_i = V_{BQ} \times T_i$$ Trong đó: V_i là mức vốn phân bổ cho xã i; V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm; T_i là tổng số điểm của xã i theo các tiêu chí phân bổ vốn. d) Căn cứ vào tổng mức vốn đầu tư công ngân sách thành phố của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại Nghị quyết này để phân bổ cho các địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Hằng năm, căn cứ lộ trình, mục tiêu, nhiệm vụ hoàn thành xây dựng nông thôn mới của từng xã theo kế hoạch được phê duyệt, nhu cầu vốn thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách thành phố để bố trí và tập trung	

	nguồn vốn đầu tư công phù hợp giữa các năm. đ) Vốn đầu tư công ngân sách thành phố cân đối bổ sung thêm cho Chương trình để bố trí thêm cho các xã không thuộc kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 nhưng có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Vốn bổ sung của mỗi xã = V_{BQ} x số điểm bổ sung của mỗi xã. Tổng vốn được bổ sung của thành phố được tính bằng tổng số vốn bổ sung của các xã có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. 5. Căn cứ xác định số liệu a) Danh sách các xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã biên giới; xã đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền tại thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thi hành. b) Xã, phường, đặc khu thực hiện xây dựng nông thôn mới, mục tiêu thực hiện xây dựng nông thôn mới theo kỳ kế hoạch: Giao Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó, xác định cụ thể danh sách xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi xây dựng nông thôn mới; mục tiêu, lộ trình xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới đối với từng xã. c) Mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu: giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan rà soát, báo cáo UBND thành phố có văn bản xác định mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu đối với từng xã. 6. Trường hợp có sự điều chỉnh đơn vị hành chính hoặc điều chỉnh danh sách xã tại điểm a khoản 5 Điều này theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong giai đoạn 2026-2030, các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết này tiếp	

	tục được áp dụng đối với các đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp. Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào danh sách, số liệu của các đơn vị hành chính mới tại thời điểm sắp xếp để xác định lại điểm số cho các xã và chủ động điều chỉnh phương án phân bổ vốn cho phù hợp, đảm bảo đúng quy định.	
1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: **Định mức phân bổ* Tổng vốn ngân sách thành phố bố trí trực tiếp giai đoạn 2021-2025: *2) Vốn sự nghiệp: 168,02 tỷ đồng; trong đó:* - Đã phân bổ *(giai đoạn 2021-2022)*: 18,02 tỷ đồng; - Tiếp tục phân bổ: 150 tỷ đồng. - Nội dung chi: + Chi phí công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng; đo đạc, lập mảnh trích đo địa chính để thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi nhân dân tặng cho đất để xây dựng công trình nông thôn mới kiểu mẫu; phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, thành phố, chứng nhận VietGAP (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm	**Điều 5. Định mức phân bổ vốn chi thường xuyên ngân sách thành phố *(Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết)*** Tổng kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các sở, ban, ngành thành phố và các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình không quá 15% tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách thành phố bố trí cho Chương trình, được xác định căn cứ vào các các nội dung sau: a) Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao thực hiện theo các quyết định, kế hoạch, đề án và văn bản có liên quan. b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành và các xã, phường, đặc khu; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án và các nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân kinh phí của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu của năm trước liền kề.	Nội dung được sửa đổi, bổ sung

OCOP; thực hiện các Chương trình chuyên đề phục vụ xây dựng nông thôn mới; phát triển du lịch nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn; duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng để duy trì, giữ vững các tiêu chí nông thôn mới. + Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (trong quá trình thực hiện, nếu Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo Văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) và các cơ chế, chính sách hiện hành khác của Trung ương và thành phố. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương** Phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025, chi theo chế độ chính sách tài chính hiện hành và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: a) Phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ trì để thực hiện 05 chương trình chuyên đề, kế hoạch (Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông		

thôn mới): mức tối đa không quá 500 triệu đồng/Chương trình chuyên đề/năm. b) Kinh phí để thực hiện công tác quản lý Chương trình (cấp tỉnh, huyện, xã): Phân bổ kinh phí cho hoạt động của Ban chỉ đạo tỉnh thông qua Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh, mức tối đa không quá 02 tỷ đồng/năm. - Phân bổ kinh phí cho hoạt động của Ban chỉ đạo cấp huyện thông qua Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện: 100 triệu đồng/năm/huyện, thị xã, thành phố; phân bổ kinh phí cho hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã: 10 triệu đồng/năm/xã. c) Phân bổ kinh phí tổ chức công bố xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025: 50 triệu đồng/xã; huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025: 200 triệu đồng/huyện		
1. Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: ***1. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình, dự án khác trên địa bàn*** **) Nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn* - Tuân thủ theo Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác trên địa bàn toàn thành phố để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung phải trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện và có mục tiêu và nội dung đầu tư phù hợp với quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các xã phấn đấu đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, nông	**Quy định cơ chế thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030** ***(Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết)*** 1. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ) và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Cơ chế phân bổ vốn ngân sách thành phố a) Hội đồng nhân dân quyết định phân bổ ngân sách thành phố; Uỷ ban nhân dân thành phố giao dự toán, kế hoạch cho các sở, ngành thành phố và địa phương theo tổng vốn	Nội dung sửa đổi, bổ sung

thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng, ưu tiên thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án có tính lan toả, phát huy lợi thế của từng địa phương. - Đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung; tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn. - Việc phân bổ các nguồn vốn tham gia lồng ghép phải được các cấp, các ngành tiến hành đồng bộ. Quá trình lồng ghép phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn. - Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương. - Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. *) *Nội dung thực hiện lồng ghép các nguồn vốn* Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 được cụ thể như sau: - Dự án đầu tư: Triển khai lồng ghép phù hợp với quy định	Chương trình (chi tiết chi đầu tư và chi thường xuyên). Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình; Sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước quyết định điều chỉnh kinh phí, vốn (bao gồm các khoản chi được giao dự toán hằng năm và các khoản chi được chuyển nguồn từ năm trước sang theo quy định) từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình bảo đảm không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao. b) Các dự án thuộc Chương trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố phải được lập, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc thực hiện theo cơ chế đặc thù được Chính phủ ban hành trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân. 3. Cơ chế hỗ trợ, thanh quyết toán vốn thực hiện Chương trình a) Nguồn vốn ngân sách thành phố phân bổ cho các địa phương để thực hiện các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2026-2030; b) Việc hỗ trợ bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp giữa các nội dung thuộc 02 hợp phần của Chương trình, cũng như với nội dung hỗ trợ của các Chương trình MTQG khác, đồng thời phù hợp với tổ chức hành chính hai cấp, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và huy động xã hội hóa. c) Kinh phí quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình được	

tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định hiện hành. - Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình Mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn đối với các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. - Đối với hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia: Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn... Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn tập huấn, thông tin, tuyên truyền để tránh việc nhiều chương trình, cơ quan, đơn vị cùng tổ chức lớp tập huấn, hoạt động thông tin, tuyên truyền về một nội dung, chuyên đề, chủ đề trên cùng một địa bàn, với cùng một nhóm đối tượng. - Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp. **) Nguồn vốn lồng ghép* Là vốn ngân sách nhà nước *(bao gồm: ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố, ngân sách huyện, ngân sách xã)* bố trí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, thực hiện các chương trình, dự án, nghị quyết, chính sách, thông qua đó góp phần thực hiện xây dựng hoàn thành, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện,	trích từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình. đ) Cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung có liên quan. e) Người dân không bị bắt buộc đóng góp. Chỉ huy động đóng góp của người dân bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động để thực hiện Chương trình trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật và không được huy động quá sức dân. Các khoản đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động được quy đổi giá trị để tính vào tổng mức đầu tư công trình nhưng không hạch toán thu - chi ngân sách nhà nước. f) Thanh toán vốn đầu tư thực hiện tập trung, thống nhất qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. g) Nội dung chi nguồn chi thường xuyên: Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 và các hướng dẫn của Bộ Tài chính cho giai đoạn 2026-2030 và các cơ chế, chính sách hiện hành khác của Trung ương và thành phố. 4. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình a) Chủ đầu tư các dự án thuộc Chương trình: Đối với dự án xây dựng hạ tầng trên địa bàn xã: Tùy điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao Phòng	

cấp thành phố giai đoạn đoạn 2021-2025. *) *Cách thức thực hiện lồng ghép* - Ủy ban nhân dân các cấp, chủ đầu tư căn cứ các nguồn lực được phân bổ cho đơn vị và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác chủ động đề xuất phương án lồng ghép vốn để triển khai thực hiện các dự án lớn có tính động lực trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương; chủ động lồng ghép các nguồn vốn để triển khai các dự án nhằm phấn đấu đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, hoàn thành mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng và các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã ban hành. - Một dự án đầu tư, hoạt động, nội dung thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có thể đầu tư bằng một hoặc nhiều nguồn vốn khác nhau để đạt được mục tiêu, bao gồm: nguồn vốn ngân sách nhà và nguồn vốn huy động hoặc huy động sự tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát của nhân dân trên địa bàn. - Trên cùng một địa bàn đầu tư: Lấy mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu làm trọng tâm. Thực hiện rà soát các tiêu chí chưa đạt, cần hỗ trợ đầu tư thuộc các đối tượng đầu tư của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tiến hành lồng ghép nguồn vốn của Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác. *) *Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán nguồn vốn được lồng ghép:* - Đối với nguồn ngân sách Nhà nước: Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính, quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện	chuyên môn cấp xã hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã làm chủ đầu tư. Đối với dự án hạ tầng quy mô liên xã hoặc cấp thành phố: Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn, giao đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư phù hợp với tính chất và quy mô dự án. b) Cơ chế đầu tư Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan. 5. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	

các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. - Đối với nguồn vốn huy động và các nguồn vốn hợp pháp khác: Quản lý, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương. ***2. Cơ chế huy động các nguồn lực khác*** **) Nguyên tắc huy động* Việc huy động phải tuân thủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn; tỷ lệ vốn đối ứng được quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia; vốn tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng; đóng góp tự nguyện của người dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình thco quy định của pháp luật. **) Nguồn vốn huy động* Vốn tín dụng; vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các chính sách thu hút đầu tư; đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư. **) Cơ chế huy động* Huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan; Thu hút tối đa các nguồn vốn từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và người dân tham gia vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật; IIuy động nguồn đóng góp tự nguyện của người dân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây		

dựng nông thôn mới. Việc huy động thông qua các hình thức đóng góp bằng tiền, hiện vật, quyền sử dụng đất, ngày công lao động. ***3. Cơ chế thực hiện xây dựng nông thôn mới*** Thực hiện theo điểm b, khoản 1, mục V, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương:** không quy định		
Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (Điều 3) Quy định chính sách đặc thù trong việc thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Ngân sách thành phố hỗ trợ: 1. Tài sản, vật kiến trúc trên đất tặng cho quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi mặt bằng xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu. Mức hỗ trợ không vượt quá 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc *(theo mức đơn giá vật kiến trúc, cây trồng phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng)*. 2. Tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân sau khi tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng các công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu mà diện tích còn lại không còn đủ điều kiện để ở *(không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho)*. Diện tích được hỗ trợ	**Điều 4. Quy định chính sách đặc thù trong thực hiện xây dựng nông thôn mới** 1. Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất. 2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau: a) Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia	Nội dung được sửa đổi, bổ sung

tiền sử dụng đất không vượt quá diện tích đất ở cũ của hộ dân trước khi tặng cho.	đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện đất đã tặng cho. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. b) Ưu tiên xem xét giao đất ở mới không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.	
Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng **Điều 4.** Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 2. Dự án được bố trí vốn đầu tư công thành phố hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố. 3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	**Điều 5. Điều khoản thi hành** 1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2026. 2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: a) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025; b) Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023; c) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023; d) Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về	Nội dung được sửa đổi; bổ sung các nội dung điều khoản chuyển tiếp

	nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương; 3. Quy định chuyển tiếp a) Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả nguồn vốn các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố chưa thực hiện được phép chuyển nguồn sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ hoặc vốn ngân sách nhà nước năm 2026 bố trí cho các công trình, dự án chuyển tiếp từ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành cho giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật có liên quan. b) Đối với ngân sách nhà nước từ năm 2026 trở đi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này. 4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.	
Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng **Điều 5.** Tổ chức thực hiện	**Điều 3. Tổ chức thực hiện** 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và chỉ đạo các	Nội dung được sửa đổi, bổ sung

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả, thiết thực, tránh thất thoát lãng phí, đúng các quy định của pháp luật. b) Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025; kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp theo quy định của Trung ương. c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ khâu lập hồ sơ, triển khai thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác sử dụng các công trình xây dựng. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định. d) Trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh nguồn vốn thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của HIội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. **2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương:** không quy định **Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. **Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật. b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ khâu lập dự án, triển khai thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác sử dụng các công trình. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. **Điều 8 Quy định kèm theo.** Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố a) Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành Chương trình để triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định. b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu đầu tư; kiểm tra, xác minh số liệu làm căn cứ phân bổ vốn. c) Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng mức vốn ngân sách thành phố bố trí và tiến độ thực hiện Chương trình, xây dựng phương án phân bổ vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định. d) Chỉ đạo việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn; xử lý hoặc đề xuất xử lý đối với các trường hợp phân bổ, quản lý, sử dụng vốn không đúng quy định. 2. Trách nhiệm của các sở, ngành a) Chủ trì hướng dẫn chuyên môn đối với các tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý. b) Phối hợp thẩm định nhu cầu đầu tư, mức độ thiếu hụt	

	tiêu chí và danh mục công trình. c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tiêu chí chuyên ngành báo cáo UBND thành phố làm căn cứ phân bổ vốn. d) Kiểm tra việc thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách. 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã a) Rà soát, xác định đúng hiện trạng các tiêu chí nông thôn mới. b) Tổng hợp nhu cầu đầu tư, sắp xếp thứ tự ưu tiên các công trình theo nguyên tắc của Nghị quyết. c) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, số liệu đề xuất. d) Quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, đúng đối tượng và bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình. Thực hiện công khai việc phân bổ vốn theo quy định. đ) Huy động và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành và nâng cao chất lượng Chương trình. e) Quản lý, khai thác và bảo trì công trình sau đầu tư đảm bảo hiệu quả, phát huy tối đa công năng sử dụng.	